NHẤT TÂM

NGUYỄN VĂN VĨNH

(1882 – 1936)

TỦ SÁCH
NHỮNG MẢNH GƯƠNG
TÂN VIỆT

NHẤT TÂM

NGUYỄN VĂN VĨNH

(1882 — 1936)

TỦ SÁCH
NHỮNG MẢNH GƯƠNG
TÂN VIỆT
1957

I

NỒI TIẾNG THẦN-ĐỒNG, HIẾU HỌC

Nhâm-ngọ (1882), ngày 30-4, tại làng Phượng-dực, tổng Phượng-dực, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông, Nguyễn Văn Vĩnh chào đời.

Ngay từ thuở ấu-thơ, Nguyễn Văn Vĩnh đã tỏ ra là một trẻ thông-minh khác thường. Dạn-dĩ, bặt-thiệp, mới năm, sáu tuổi, Nguyễn đã ứng-đối trôi-chảy cuồn-cuộn như nước trước những câu « *vấn nạn* » mắc-mỏ của những người đến thử tài-trí Nguyễn. Hầu hết những ông khách đến viếng nhà Nguyễn đều biểu-lộ sự kinh-ngạc, chẳng tiếc lời khen song thân Nguyễn đã hữu phúc sinh con.

Gia-đình Nguyễn lại khéo ung-đúc cho Nguyễn trở nên người hiếu học đệ-nhất, để hòa-hiệp với trí thông-minh sẵn có kia mà rèn-luyện cho thành một nhân-vật hữu-dụng trong đời, hữu-ích cho nhân-loại.

Nên biết, bấy giờ chưa có thư-viện, các sách-vở đều thiếu, thế mà gia-đình Nguyễn Văn Vĩnh chẳng để cho Nguyễn phải chịu thiệt-thòi phần nào về việc học, cố gắng chọn-lọc, gom-góp đủ sách hay, luôn luôn kích-thích tinh-thần hiếu học của Nguyễn, khiến phải say-mê, phấn-phát, tự lực giồi lòng, luyện trí. Do đó, hằng ngày Nguyễn không rời quyển sách trên tay, đôn-đốc cần-cù học-hỏi, ai cũng phải chịu là người rất ham học.

Nhâm-thìn (1892), Nguyễn Văn Vĩnh 11 tuổi (tính tuổi

theo năm tây thì mới mười) — cái tuổi còn ngây-thơ — Nguyễn đã ra thi tốt-nghiệp trường Thông-ngôn. Và đáng lẽ đỗ thứ 12, nhưng vì tuổi quá trẻ, Nguyễn bị đánh hỏng, để về học thêm trong một thời-gian nữa và để cho tuổi cao thêm lên chút nữa.

Bốn năm sau, bính-thân (1896), Nguyễn 15 tuổi, lại ra thi. Nguyễn chiếm ngay « thủ-khoa », tức đỗ đầu bảng. Trong năm 10 tuổi đã ra thi, đỗ thứ 12, nhưng phải về học lại vì tuổi còn trẻ, để đến nay ghi tên đầu bảng, Nguyễn Văn Vĩnh được xưng-tụng là thần-đồng, tưởng cũng không quá đáng.

II

DẤN BƯỚC HOẠN-TRƯỜNG

Thi đỗ tốt-nghiệp trường Thông-ngôn, năm bính-thân (1896), ngay trong năm ấy, Nguyễn Văn Vĩnh được bổ làm thư-ký tòa-sứ Lao-kay.

Có lẽ Nguyễn Văn Vĩnh đã làm việc quan siêng-năng, tháo-vát, rất được lòng... các quan thầy. Nên chỉ nội năm sau, đinh-dậu (1897), Nguyễn được đổi xuống tòa-sứ Kiến-an (khi ấy còn ở Hải-phòng).

Hải-phòng lúc bấy giờ đã là một hải-cảng đô-hội. Về đấy, Nguyễn Văn Vĩnh càng có dịp bồi-bổ thêm kiến-văn, học-thức. Ngay trong thời-kỳ này, Nguyễn giao-thiệp với khách nước ngoài và bắt đầu học tiếng Anh, tiếng Trung-hoa.

Rồi thuyên-chuyển sang tòa-sứ Bắc-ninh. Ít lâu sau, Nguyễn lại được đưa về tòa đốc-lý Hà-nội.

Nguyễn Văn Vĩnh đã làm việc quan đắc lực như thế nào, nên trong sự thuyên-chuyển, chúng ta đã nhìn thấy ngay sự ưu-đãi. Nhưng điều đáng cho chúng ta phải tìm hiểu-biết là : Nguyễn Văn Vĩnh có lấy thế làm vinh-diệu và thoả-mãn rồi chăng?

Không. Nguyễn Văn Vĩnh há chỉ là một nhân-vật tầm-thường, an thân trong cái thế-giới tầm-thường ư?

Bấy giờ, trong nước đã dấy lên nhiều phong-trào đáng cho thanh-niên chú ý mà vấn tâm, hầu sẵn-sàng kiểm-điểm

năng-lực để phục-vụ quốc-gia dân-tộc: xuất dương du học, vận-động cải-cách duy-tân.

Dù là người Âu-hóa rất sớm, Nguyễn Văn Vĩnh trước tiếng gọi của non sông, cảm thấy hồn thiêng non nước dần dần thấm nhập hồn mình; tinh-thần dân-tộc đã khiến cho tinh-thần của người có học-thức sâu-rộng phải băn-khoăn rất mực, phải chọn con đường phụng-sự sao cho không hổ với giống-nòi.

Trong lối hoạn-trường, Nguyễn Văn Vĩnh đoái nhìn lại, hẳn thấy nhiều gai-gốc. Nhất là khi xuất chinh, tự xem-xét lại, chỉ nhận thấy rằng ấy là phục-vụ cho đám người đi cai-trị; mà guồng máy hành-chính của họ càng tốt máy, ắt là dân-chúng bị trị càng ngày càng thêm bị ép xác để lấy mỡ-dầu cung-phụng. Nguyễn Văn Vĩnh trong sự nhận-thức ấy, lòng nào lòng nỡ lạnh-nhạt với tổ-quốc cho đành. Thế thì phải mở một con đường quang-đãng để cho hồn, trí vẫy-vùng. Để cho, dù không cứu được dân nước thoát ách thống-trị, ít ra cũng đánh lên được vài tiếng chiêng cảnh tỉnh, gọi hồn dân nước để cùng đồng-bào cùng lo cho tổ-quốc, đóng-góp cho tổ-quốc được phần nào hay phần nấy, hầu đền ơn tấc đất ngọn rau.

Đã có định-kiến, đã lập chí, Nguyễn Văn Vĩnh âm-thầm chuẩn bị súc-tích khả-năng, chờ ngày chuyển hướng. Ngày ấy, một ngày trong năm bính-ngọ (1906), sau khi dự cuộc đấu-xảo ở Marseille trở về, Nguyễn Văn Vĩnh đệ đơn từ chức. Và được chấp nhận.

Bính-ngọ (1906), một năm đánh dấu chấm dứt cuộc đời « công-chức » của Nguyễn Văn Vĩnh. Nhưng cũng từ năm ấy, một Nguyễn Văn Vĩnh có chí hiên-ngang, đáng mặt là trang hào-kiệt, xuất-hiện trong văn-giới cũng như trên trường chính-trị, nêu cao thinh-giá, ghi tên vào lịch-sử cho muôn đời công-luận phẩm-bình.

III

TRÊN ĐƯỜNG SỰ-NGHIỆP

Khoảng năm 1935, đáp lời một bạn ký-giả đến phỏng vấn, Nguyễn Văn Vĩnh rằng:

— Tôi là người chịu ảnh-hưởng của Hán-học rất nhiều.

Nội một câu ấy, bao-hàm biết bao tư-tưởng thâm-thúy. Còn ai lạ gì cái tinh-thần Hán-học. Một khi người nào đã nhập diệu cái tinh-thần Hán-học, tức là đã lãnh-hội được it nhiều Nho-học hoặc Đạo-học, cố-nhiên không thể không có cái bản-sắc Á-đông.

Nguyễn Văn Vĩnh học rộng, nói tiếng Pháp giỏi, viết chữ Pháp hay, thường mặc Âu-phục, và cũng là nhân-vật Âu-hóa rất sớm, nhưng suốt đời bao giờ cũng giữ được cái tinh-thần Việt-nam, cái bản-sắc Á-đông. Điều ấy, những ai đã từng được Nguyễn Văn Vĩnh tiếp chuyện, đều đã công-nhận. Và trên mặt các báo, Nguyễn Văn Vĩnh cũng đã từng đem những thuần phong, mỹ tục, những tính-chất và tập-quán của dân-tộc Việt-nam, những câu ca-dao trong phái bình-dân mà dịch ra chữ Pháp để cổ-động cho nước nhà.

Ngay sau khi đệ đơn từ chức, bính-ngọ (1906), Nguyễn Văn Vĩnh không tơ-tưởng gì đến cuộc đời công-chức đã trải qua nữa, dốc lưu tâm về đường doanh-nghiệp. Đầu tiên, Nguyễn cùng ông Dufour mở cái nhà in thứ nhất ở Hà-nội (chỗ nhà Crédit Foncier ngày nay). Rồi thì lần lượt chủ-trương hết báo này sang báo khác, báo Việt thì đã đành, mà

báo Pháp thì cũng sốt-sắng lắm. Và đem những sách hay của Pháp, của Trung-hoa dịch ra Việt-văn. Hơn nữa, gặp thời-cơ thuận-tiện, Nguyễn Văn Vĩnh cũng dấn thân vào trường chính-trị, hoạt-động chính-trị hăng-hái không kém phần phục-vụ văn-hóa.

Nguyễn Văn Vĩnh làm báo, Nguyễn Văn Vĩnh làm chính-trị và Nguyễn Văn Vĩnh chủ-trương thư-viện « Âu-tây tư-tưởng » chuyên dịch các sách Âu-tây ; ở phương-diện nào cũng đều được đồng-bào chú ý.

Chúng ta hãy kiểm-điểm lại công-nghiệp của Nguyễn Văn Vĩnh, theo từng phương-diện :

a) NGUYỄN VĂN VĨNH KÝ-GIẢ

Sở-dĩ đến nay, và về sau nữa, các học-giả, văn-nhân trong nước hãy còn mến-tưởng Nguyễn Văn Vĩnh ít nhiều vì Nguyễn Văn Vĩnh đã thốt ra một câu làm cảm-động hầu hết dân-chúng các giới ở trong nước, đến thành một câu nói bất hủ của Nguyễn Văn Vĩnh, và cũng là câu kinh nhật-tụng của những ai yêu nước : « *Nước Nam ta mai sau hay dở ở như chữ quốc-ngữ* ».

Lấy câu nói trên đây làm phương-châm, lấy báo-giới làm lợi-khí tuyên-truyền cổ-động, Nguyễn Văn Vĩnh hăng-hái đi tiên-phong và đã ráo-riết xung-phong trong mặt trận văn-hóa, mở được con đường sống cho « quốc-ngữ » phát-huy sắc-thái.

Đinh-vị (1907), Nguyễn Văn Vĩnh ra mặt trên trường ngôn-luận. Tờ báo đầu tiên ở Bắc là tờ « *Đại-nam đồng-văn nhật-báo* », đổi ra làm tờ « *Đăng cổ tùng báo* », có cả phần pháp-văn nhan là « *Tribune Indochinoise* ». Nguyễn Văn Vĩnh đứng ra làm chủ-bút, một tay coi sóc tất cả việc biên-tập, viết cả từ xã-thuyết cho đến thời-sự, xuất-bản số đầu vào ngày thứ năm 28-3-1907.

Rồi thì lần lượt :

Mậu-thân (1908), mở tờ báo pháp-văn *Notre Journal.*

Kỷ-dậu (1909), làm chủ-nhiệm kiêm chủ-bút tờ *Notre Revue.*

Canh-tuất (1910), vào Nam làm chủ-bút « *Lục tỉnh tân-văn* » do ông F. H. Schneider sáng-lập.

Quí-sửu (1913), trở ra Bắc làm chủ-bút « *Đông-dương tạp-chí* » cũng do ông Schneider sáng-lập.

Ất-mão (1915), làm chủ-bút « *Trung-Bắc tân-văn* », vẫn do Schneider làm chủ-nhiệm. Báo ra mỗi tuần ba kỳ. Đến năm kỷ-vị (1919), Nguyễn Văn Vĩnh kiêm luôn quyền chủ-nhiệm, bèn đổi ra xuất-bản hằng ngày, vẫn lấy hiệu báo là « *Trung-Bắc tân-văn* ».

Lại trong năm bính-thìn (1916), Nguyễn cùng với ông Trần Trọng Kim mở ra tập « *Nam-học niên-khóa* » để cho các trường có đủ tài-liệu dạy học-trò, và đặt ra phương-pháp mới dạy quốc-ngữ (đã được thông-dụng ở hết thảy các lớp đồng-ấu từ ấy cho đến năm 1945). Tờ « *Nam-học niên-khóa* » ấy đến năm 1919 đổi làm « *Học-báo* », thông-dụng ở các trường.

Hơn nữa, Nguyễn Văn Vĩnh lại khởi xướng ra vấn-đề cải-cách chữ quốc-ngữ, gọi là lối chữ « Quốc-ngữ mới », làm xôn-xao dư-luận một dạo trong khoảng năm đinh-mão (1927). Rồi năm 1931, lại mở ra tờ « *Annam Nouveau* ».

Viết bài đăng báo, dưới những biệt hiệu : N. V. V. Tân-nam-tử, Mũi-tẹt-tử, Tổng-già, Lang-già, Đào thị Loan, Nguyễn Văn Vĩnh ứng-dụng đủ các thể văn, và lối nào cũng được một số đông độc-giả hoan-nghênh.

b) NGUYỄN VĂN VĨNH CHÍNH-TRỊ-GIA

Nói về đời chính-trị của Nguyễn Văn Vĩnh kể ra cũng nhiều điều đáng ngợi trong chính-giới. Nhất là cái tài khẩu-biện hùng-hồn của ông thì ai cũng phục.

Năm 25 tuổi, Nguyễn Văn Vĩnh ra làm hội-viên Hội-đồng thành-phố luôn mấy khóa.

Qui-sửu (1913), ứng-cử vào phòng Tư-vấn Bắc-kỳ cũng luôn mấy khóa. Rồi năm nhâm-tuất (1922), được phòng Tư-vấn Bắc-kỳ cử đi dự cuộc đấu-xảo Marseille. Trở về, thường viết những bài về chính-trị rất hăng-hái, đăng ở báo « *Annam Nouveau* » và « *Trung-Bắc tân-văn* »

Chính Nguyễn Văn Vĩnh cũng đã nhiệt-thành hưởng-ứng với các chí-sĩ để lập ra « *Đông-kinh nghĩa-thục* », mà Nguyễn lãnh việc dạy Pháp-văn và diễn-thuyết bằng quốc-văn tại trường.

Là người Việt-nam thứ nhất có chân trong hội Nhân-quyền, khi cụ Phan Chu Trinh bị vương án quốc-sự, Nguyễn Văn Vĩnh đã cùng với bốn người Pháp nữa ký lá đơn xin ân-xá cho chí-sĩ Tây-hồ. Đến nỗi Nguyễn phải bị một vị thượng-quan đòi đến và hăm-dọa : « Ở Côn-lôn còn rộng chỗ !... Chú hãy liệu lấy ! »

Bài « *Đầu Pháp chính-phủ thư* » của cụ Phan Chu Trinh, Nguyễn Văn Vĩnh cũng đem dịch ra chữ Pháp và đăng trong « *Tribune Indochinoise* » tức trang pháp-văn của « *Đăng cổ tùng báo* ».

Trong năm mậu-ngọ (1918), sau hồi Âu-chiến, nhân lúc tổng-thống Wilson nước Mỹ xướng ra thuyết « các dân-tộc có quyền tự quyết », Nguyễn Văn Vĩnh liền viết nhiều bài báo bàn về việc Đông-dương tự trị, ai cũng phải chịu là người dám nói.

Năm tân-vị (1931), Nguyễn mở báo « *Annam Nouveau* ». mục-đích làm cơ-quan phát-huy « *thuyết trực trị* » (administration directe), phản-đối lại thuyết lập-hiến của Phạm Quỳnh chủ-trương và bài-xích chế-độ bảo-hộ ở Trung-Bắc.

Tóm lại, dù lập-trường chính-trị của Nguyễn Văn Vĩnh không vững, dù sự-nghiệp chính-trị của Nguyễn Văn Vĩnh

không có gì thành, tên-tuổi của Nguyễn Văn Vĩnh trong chính-giới, vẫn được các chính-khách và đồng-bào có nhiệt-tâm đều ái-mộ.

Nhất là người ta lại càng cảm thấy yêu-mến tiết-tháo của Nguyễn Văn Vĩnh hơn, qua mấy lời mà Nguyễn Văn Vĩnh thường nói với người chung quanh : « *Làm người, theo như tôi, cần có đức-dục hơn trí-dục. Sĩ khả sát, bất khả nhục. Kẻ sĩ nào cũng cần lấy câu châm-ngôn đó làm câu kinh nhật-tụng. Người học-trò mà thiếu nhân-cách, không tiết-tháo thì có học cũng như không, tệ hơn nữa là có hại cho nòi-giống...* »

Hơn nữa, một cử-chỉ của Nguyễn Văn Vĩnh đủ nói nhiều về tiết-tháo : Nguyễn Văn Vĩnh đã từ-chối không nhận Bắc-đẩu bội-tinh của người Pháp ban cho.

c) NGUYỄN VĂN VĨNH DỊCH-GIẢ

Điều mà không ai có thể phủ-nhận : Nguyễn Văn Vĩnh quả là người có thiên-tài về nghề dịch Pháp-văn.

Ngay lúc mới ra làm báo, trên tờ *Đăng-cổ tùng báo,* Nguyễn Văn Vĩnh đã hô hào lập nên một « *hội dịch sách* ». Rồi trong ngày chủ-nhật 4-8-1907, trước sự dự thính của non 300 người, vừa là hội-viên « *hội dịch sách* », vừa là những học-giả, quan-khách được mời tới, họp lần thứ nhất tại hội-quán hội Trí-tri Hà-nội, Nguyễn Văn Vĩnh đọc một bài diễn-văn dài, đại ý :

« ... Nước Nam ta muốn chóng bước lên đường tiến-hóa thì phải mau thu-thái lấy những tư-tưởng mới. Muốn cho những tư-tưởng mới trong văn-hóa Âu-tây truyền-bá khắp trong dân-gian, thì phải cần phiên-dịch những sách chữ nước ngoài ra chữ Việt-nam ... ».

Với chủ-trương ấy, Nguyễn Văn Vĩnh đã lập nên công-nghiệp dịch-thuật đáng kể :

1. Đem quyển « *Đoạn-trường tân thanh* » tức « *Kim Vân Kiều* » của Nguyễn Du, bằng chữ nôm, phiên-dịch ra quốc-ngữ. Rồi dịch ra chữ Pháp.

2. Cùng với Phan Kế Bính, dịch bộ « *Tam quốc-chí* ».

3. Dân-ước (Contrat social của J. J. Rousseau).

4. Vạn-pháp tinh lý (Esprit des lois của Montesquieu và Traité de l'Esprit của Holvétius).

5. Miếng da lừa (Peau de chagrin của Honoré de Balzac).

6. Người biển-lận (kịch L'Avare của Molière).

7. Bệnh tưởng (Le malade imaginaire).

8. Trưởng-giả bọc làm sang (Le Bourgeois gentilhomme).

9. Ba người ngự-lâm pháo-thủ (Les trois mousquetaires).

10. Hai-mươi năm về sau (Vingt ans après).

11. Những kẻ khốn-nạn (Les misérables).

12. Mai-nương Lệ-cốt (Manon Lescaut).

13. Tê-lê-mặc phiêu-lưu ký (Les aventures de Télémaque).

14. Ngụ-ngôn La Fontaine.

IV

NGÃ GỤC NẺO LÀO

Luôn luôn nhiệt-thành với mọi cuộc hữu-ích chung, luôn luôn hy-sinh quyền-lợi riêng để vẹn-tròn công-nghĩa Nguyễn Văn Vĩnh cũng luôn luôn vấp phải những thất-bại ê-chề, luôn luôn túng quẫn và công-nợ chất-chồng.

Tuy-nhiên, Nguyễn Văn Vĩnh vẫn luôn luôn xứng-đáng là trang hào-kiệt hiên-ngang chí-khí : hỏng keo này bày keo khác, không cầu-cạnh với một ai.

Giữa cơn nguy-biến dập-dồn về tài-chánh, Nguyễn Văn Vĩnh nuôi cái mộng sẽ tìm được mỏ vàng ở trên Lào. Đã quyết chí thi-hành ngay ý-định, Nguyễn Văn Vĩnh cùng với một bạn người Pháp là ông Clémenti sang Lào.

Đáng cảm-động biết bao, khi Nguyễn cầm tay những bạn thân đưa-tiễn mà ngùi ngùi thốt nên lời : « Peut-être nous ne nous verrons plus — Có thể chúng ta sẽ không còn gặp lại nhau nữa ! ».

Ai hay lời nói ấy chẳng khác nào lời trối mà linh-tính đã xui nên !

Sự thật thì Nguyễn Văn Vĩnh bấy giờ cũng đã tự biết mình sức khoẻ suy-giảm đi nhiều. Nhưng vốn tính cương-cường, cả quyết, Nguyễn vẫn tin nghị-lực của mình sẽ lướt thắng mọi trở-ngại mà hăm-hở ra đi.

Nguyên đã lâu, Nguyễn Văn Vĩnh vướng phải chứng bệnh đi ly, nhưng đã điều-trị được, nhờ gia-quyến trông-nom

săn-sóc. Nhưng từ khi sang Lào, bệnh cũ phát sinh trở lại, có phần nguy-hiểm hơn cho tính-mệnh.

Nguyễn Văn Vĩnh vẫn gượng bệnh để điều-khiển nhân-viên thuộc-hạ đôn-đốc việc khai mỏ tìm vàng. Đã gan liền dấn thân vào nơi khí-hậu rất độc, lại vì lao tâm lao lực, phần thì ăn-uống không được cẩn-thận như ở nhà, phần thì thiếu thuốc-men, Nguyễn Văn Vĩnh dù nghị-lực có thừa cũng không sao chống nổi với ma bệnh ráo-riết hoành-hành, tàn-phá cơ-thể của con người vương-vấn âm-thầm nhiều đau-khổ.

Thấy bệnh bạn có vẻ nguy, ông Clémenti phải hết lời khuyên Nguyễn phải trở về quê để điều-trị. Nhưng Nguyễn Văn Vĩnh vẫn gắng-gượng chống-chỏi.

Rồi ngày một ngày hai thường đi tiện huyết, ăn-uống không được, Nguyễn Văn Vĩnh đâm lo.

Ngày 1-5-1936, ông Clémenti sửa-soạn đưa Nguyễn trở về Hà-nội để cứu chữa. Ngay hôm ấy, Nguyễn Văn Vĩnh xuống thuyền độc-mộc, định sẽ ghé Tchépone tạm nghỉ và chạy chữa trước.

Ta nên biết, từ chỗ mỏ đến Tchépone, phải đi mất ba ngày đường sông. Xuống thuyền, Nguyễn nằm nghỉ trong khoang, ông Clémenti thì ngồi ở đầu mũi. Hai người theo hầu săn-sóc bên cạnh là người đầu bếp và người tài-xế tên Ngọc.

Khi tới Ban-salouang, ông Clémenti bảo dừng thuyền, lên bờ. Rồi lúc trở xuống thuyền để đi Tchépone như đã định, thì Nguyễn Văn Vĩnh đã suy-yếu nhiều, đi không muốn nổi. Thấy thế, tài-xế Ngọc xin để cõng Nguyễn ra thuyền, Nguyễn gạt đi và hăm-hở xuống thuyền, ra dáng như người con mạnh.

Nhưng ngọn đèn lúc sắp tắt, nháng sáng lên lần chót là thôi. Khoảng 6 giờ chiều hôm ấy (1er-5-1936), giữa lúc

con thuyền độc-mộc hối-hả rẽ nước tiến về phía Tchépone trong cảnh hoang-vu của rừng-rậm núi cao, Nguyễn Văn Vĩnh trút hơi thở cuối cùng ở một nơi thuộc địa-phận làng Ban-san-khup.

Rồi thuyền đưa xác về tới Tchépone thì trời nổi cơn bão lớn. Rạng ngày 2-5, có tin điện từ Tchépone đưa về Hà-nội báo tin sầu !

V

ĐÁM TANG TRỌNG-THỂ

Được hung-tín, bà Nguyễn Văn Vĩnh, nhũ-danh Suzanne, cùng với con trai là Nguyễn Giang và nhiều người trong thân-tộc lên tận Tchépone. Có ông Louis Chức, chủ hiệu xe đám ma lớn nhất Hà-thành lúc ấy, cùng đi theo tang-gia.

Thi-hài ông Nguyễn Văn Vĩnh được tẫn-liệm chu tất ở Tchépone, rồi đưa về Hà-nội vào 1 giờ chiều ngày 6-5-1936.

Tại Hà-nội, trên ba mươi chiếc xe của các nhân-vật tiếng-tăm trong các giới, chực đón xe tang.

Sinh thời, Nguyễn Văn Vĩnh vốn là hội-viên rất quý-mến của hội « Tam-điểm » (Franc Maçonnerie). Bấy giờ, quan-tài Nguyễn Văn Vĩnh được đưa vào quàn tại nhà hội-quán ấy, số 107, phố Hàng Cỏ, gần khách-sạn La Gare.

Toàn thể ký-giả Bắc-Việt và hội-viên Hội Tam-điểm đồng thay phiên nhau túc-trực suốt từ chiều ngày 6-5 cho đến sáng sáng ngày 8-5 là ngày cất đám.

Sáng ngày 8-5-1936.

Đám táng Nguyễn Văn Vĩnh cử-hành trọng-thể.

Người đi đưa đám, đủ cả các giới, đứng chật ních đường, dài đến hơn một cây số,

Các quan-chức Việt-Pháp hiện-diện hầu đủ mặt. Về phía quan chức Việt thì :

Quan Võ-hiển Hoàng trọng Phu.

— Thượng-thư Hồ đắc Hàm.

Về phía người Pháp :

Phó toàn-quyền Châtel.

Thống-sứ Tholance.

Khâm-sứ Tissot.

Công-sứ Hà-đông Gallois Monbrun.

Đốc-lý Virgitti.

Hội - trưởng chi hội Nhân - quyền ở Hà-nội, ông Delmas v.v..

Tại huyệt, lần lượt năm sáu bài điếu-văn được đọc lên theo thứ-tự dưới đây :

Các Ô. Phan trần Chúc thay mặt báo-giới Việt-nam ở Bắc.

Tirard, nguyên chủ-nhiệm báo « *Colon Français* », thay mặt báo-giới Pháp ở Việt-nam.

Bùi Kỷ, thay mặt Hội Phật-giáo trung-ương Hà-nội

Delmas, thay mặt hội « *Nhân-quyền* ».

Phạm huy Lục, thay mặt các nghị-viên Viện Dân-biểu

Janvier, thay mặt hội « *Loge Maçonnique* ».

Phạm hoàng Chung, thay mặt dân làng Phượng-dực.

Cảm-tình của người các giới đối với Nguyễn Văn Vĩnh, tỏ lộ rất nồng-nàn.

Chính ông Phan Khôi cũng đã công-nhận :

«... Phải biết ông Vĩnh một người có tài học cao cường, chí-khí lỗi-lạc nhất ở nước ta ngày nay, chẳng riêng đồng-bào, mà người tha bang ngoại khách cũng kính-mến.

« Độc-giả ở xa, khi đọc những bài ký-thuật của các báo Hà-nội, thấy báo nào cũng có câu này: «Bà Suzanne lăn nhào khóc ngất nhiều phen, người ta sợ bà nguy đến tính-mệnh ».

« Bà Suzanne là đầm lai, nhan-sắc thiếu thời nổi tiếng Hà-thành, vì yêu-mến nhân-phẩm và tài học ông Vĩnh mà

cùng ông kết hôn, vui lòng ở ngôi thứ thất có trên 15 năm..

« Cách bốn năm nay, còn mấy phút nữa thì nhà băng và chủ nợ phát mãi tất cả sự sản của ông Vĩnh, thì một người Pháp ký tên bão-lãnh giùm ông mấy muôn đồng cho khỏi mất nghiệp.

« Cuối năm 1931, ông vô Sài-gòn dự Đại hội-đồng kinh-tế, giữa lúc cơ-nghiệp ông ngoài kia rung-rinh sắp đổ, một người tài-chủ Hoa-kiều trong Chợ-lớn nghe tiếng ông đã lâu mà lần này là lần đầu gặp, cũng do lòng liên ái nhân-tài, đưa ra một muôn đồng giúp.

« Thế mới biết, người tài không khác hoa thơm ngọc quý, ai cũng quý-chuộng mến-yêu...»

VI

CÔNG-LUẬN PHẨM-BÌNH

LIỄN ĐIẾU

I

Lạc lạc kỳ tài, khí-phách khởi ưng mai tử khứ ;
Liêu liêu đồng chí, giang-san thùy cộng kế sinh tồn.

Ưu-thiên BÙI KỶ — Lệ-thần TRẦN TRỌNG KIM

II

Mạng vậy biết làm sao, tài-trí thông-minh trời vẫn ghét ;
Danh kia còn thọ chán, văn-chương sự-nghiệp đất khôn vùi.

DƯƠNG BÁ TRẠC

III

1) Năng dĩ văn-chương minh, biệt hữu thâm tâm kỳ báo quốc ;

Phao tương tâm lực tận, hận vô diệu thuật khả hồi thiên.

2) Mực đen giấy trắng, mấy mươi năm ngọn bút tung-hoành, văn tựa gấm thêu, dậy đất danh vang dân nước trọng ;

Núi đỏ rừng xanh, ngoài nghìn dặm một thân giong-ruổi, tin đâu sét đánh, và trời chi cả gió mây tan.

ĐOÃN KẾ THIỆN

IV

Đất Bắc hẹp gì đâu, nơi can-tỉnh phải rừng thẳm non xanh mới có ;

Trời Nam rày mấy kẻ, đường lợi-danh đường mây bay gió thoảng như không.

ĐÀM DUY HUYÊN
Bố - chính Sơn-tây

V

Hai lần từ Bắc-đẩu bội-tinh, chi ông trời bể ;

Một người trong Việt-nam lịch-sử, cuộc đời văn-chương.

ĐÀO HÙNG

VI

Chẳng quan mà quý, chẳng phú mà hào, giữa trời Nam thổi gió tung mây, gan óc dễ đâu vùi chín suối ;

Có lưỡi như cồng, có bút như thép, trong làng báo mở cờ khua trống, văn-chương âu cũng đủ nghìn thu.

Đông-tây tuần-báo

VII

Phải bình-dân sau đó đã là ai ? danh làm chi mà lợi nữa làm chi ? bể rộng sông dài, ngọn bút vẫy-vùng tay chí-sĩ.

Đường giúp nước mỗi người riêng một ngả, thời khó nhỉ mà tài khó nhỉ ! chuông khua trống giỏng, đèn văn nhớ tiếc tướng tiên-phong.

HOÀNG SONG AN

VIII

Khu sa tẩu thạch, báo-giới đạo tiên hà, trấp niên uyển lực tung-hoành, Âu-hóa phong-trào song quản bút ;

Lịch tỉnh môn sâm, bảo tàng sưu bi quật, nhất vãng hùng tâm khẳng-khái, Thục-sơn lôi vũ ngũ đinh hồn.

HOÀNG THÚC KHÁNG

IX

Đàn văn vùng-vẫy, già nửa trăm năm, óc gan Âu Á chen-đua, đầu bạc còn treo gương mạo-hiểm ;

Đất khách xa-xăm, ngoài nghìn muôn dặm, đường-lối Ngô Lào lận-đận, non vàng khôn chuộc dấu tiên-tri.

« Khuyến học tuần báo »

X

Làng báo thiệt-thòi to, ông Quỳnh chầu vua, ông Vĩnh chầu Phật ;

Cuộc đời ngao-ngán nỗi, nước Ý phạm lỗi, nước Đức làm liều.

LẪN-THẪN tiên-sinh

XI

Đồng bào hai-mươi triệu thơ-ngây, chỉ lối đưa đường nào mấy kẻ ;

Tổ-quốc bốn nghìn năm cũ-kỹ, tô son điểm phấn biết rày ai ?

LÊ THƯỚC

XII

Rút ruột tằm trả nợ non sông, nào Đồng-văn, nào Đăng-cổ, nào Đông-dương tạp-chí, nào Trung-Bắc tân-văn, giấy trắng bao lần hoen máu đỏ ;

Vững cột đá chống cơn sóng-gió, khi ngoài Bắc, khi trong Nam, khi đấu-xảo Mạt-xây, khi băng rừng Vạn-tượng, lòng son rắp những vá trời xanh.

MAI ĐĂNG ĐỆ

XIII

Tài cao chí lớn, tận-tụy với báo-giới quốc-văn, tiên-phong khua trống phất cờ, công để nghìn thu nêu sử-sách ;

Chức trọng quan sang, nhất thiết mặc trào-lưu thế-lực, thực-nghiệp xây nền đắp móng, cuộc sao nửa độ đã tang-thương.

NGÔ BẰNG DỰC

XIV

Sinh-bình năng tố nan chi nan, vi học-vấn gia, vi ngôn-luận gia, vi đại tư-tưởng gia, thập-niên tiền Hà-bắc tâm chi giao, thốc bút cánh nan đề vãng sự ;

Tinh-thần an tri tử bất tử, ư quốc-gia giới, ư dân-tộc giới, ư ngã Pháp-Việt giới, trấp thế-kỷ á-nam nhân-vật-sử, cái quan vị tất định công-bình.

NGUYỄN BÁ TRÁC

XV

Ba-mươi năm vùng-vẫy bể văn, bút mực còn in hồn mến nước ;

Năm-nhăm tuổi xa chơi đất bụt, non sông thôi mặc kẻ buồn trời.

Đông-châu NGUYỄN HỮU TIẾN
THẠCH QUANG TIẾU

XVI

Bác vật từ khoa xưng cự phách ;
Mộ vân xuân thụ hệ hà lư.

NGUYỄN VĂN TỐ

XVII

Cõi đời là một giấc chiêm-bao, ai kẻ không mê, mở mắt vẫn như người ngủ ;

Trên trời đang thiếu tay viết báo, rước ông lên trước, có hay sẽ gọi thằng tôi.

Hif-đinhf NGUYỄN VĂN TÒI

XVIII

Ngao-ngán bạn trên đường ngôn-luận, kìa tướng tiên-phong, trải bao trận, đất Bắc vang giọng văn nôm, câu chữ pháp hùng-biện phô-bày trực trị, chính-sách không hai, dốc lòng thành yêu nước vì dân, lời báo-chí ắt ghi trong sử-sách ;

Sung-sướng người gặp buổi văn-minh, nương cờ bảo-hộ, khắp ba kỳ gió nam nổi lên, tước trọng nổi quyền cao, chí kinh doanh lừng-lẫy triều ban, quan sang bậc nhất, thấy trò đời trái tai chướng mắt, xếp bút-nghiên đem thẳng tới thiên-cung.

Tùng-viên NGUYỄN XUÂN NGOẠN

XIX

Nhĩ đề diễn mệnh. tiểu tử kỷ thân thừa, ai điện kinh truyền thiên-lý ngoại ;

Tài đạo ngộ quai, tiên nghiêm đồng thử hận, bi phong hồi ức thập niên tiền.

PHẠM DUY KHIÊM

XX

Những chắc bậc anh-hào còn lúc ra tay, trận bút rừng văn, tỏ với non sông tài lỗi-lạc ;

Nào ngờ người trí-giả phải khi gấp khúc, xe loan bóng hạc, để cùng trời đất túi kinh-luân.

PHẠM XUÂN ĐỘ
NGUYỄN VĂN LUẬN — NGÔ NGỌC KHA

XXI

Ngày tôi — Phan bội Châu — mới về Huế, được gặp ông chủ báo « Trung-Bắc *» vào Huế thăm tôi, cùng một xe với tôi đi thăm cửa Thuận. Xe nhà ông, ông cầm lấy lái ; nhân-duyên xa lạp chưa trải bao nhiêu mà đường lối Bắc Nam chốc thành vĩnh-biệt, tôi đau cảm quá nên có mấy hàng chữ điếu ông :*

1) Duyên tương-tri nhớ trước mười năm, xe tự-do chung lái, sóng biển vui tai, mộng hồn hả lẽ hững-hờ, quang-cảnh còn in mây Thuận-tấn ;

Tài bác-học trồi trong hai nước, đàn ngôn-luận phất cờ, làng văn nở mặt, công-nghiệp tuy còn lỡ-dở, thanh-âm từng giạt gió Ba-lê.

2) Vân hạc dục an chi, y ngô hữu ngũ châu tân não, kim khánh bất tằng huyền, khởi hữu như kim sơn, năng đoạt ngã tài nhân dĩ khứ ;

Hải đào do tạc dã, ức lão phu thập tải tiền duyên, xa thanh y cựu họa, hà đương tái xa lạp, đồng dữ nhi tạo-hóa giả du.

PHAN BỘI CHÂU

XXII

Một tin ông chết bằng trời giáng ;
Muôn kiếp danh còn mãi đất Thăng.

SƠN-PHONG

XXIII

Chủ-nghĩa vì dân, trực-trị sáng-choang gương chính-khách ;

Tiên-phong mở báo, đăng văn inh-ỏi trống ngôn đàn.

Báo « Tiếng chuông sớm ».

XXIV

Mấy mươi năm xoay trở một trò đời, nào khi vào nghĩa đảng Đông-kinh, lúc từ huy-chương Bắc-đẩu, khi hò-hét Âu-tây tư-tưởng, lúc giảng diễn Niên-lịch thông thư, vang lừng giọng nói câu văn, nóng lạnh trái tim, đậy nấp quan-tài chưa hẳn định.

Bao nhiêu bạn đi về cùng lớp trước, nay người đã Thượng-thư Tổng-đốc, kẻ còn Tân-đảo Côn-nôn, người ca-tụng Pháp Việt đề huề, kẻ theo đuổi quân-dân hiến-pháp, rộn-rịp đường ngang lối dọc, sang hèn cuộc thế, trông chừng dân nước vẫn đang say.

Á-nam TRẦN TUẤN KHẢI

THƠ ĐIẾU

I

Non nước hỡi ! hỡi muôn dân Nam Việt !
Hãy buồn đi ! vì Nguyễn-quân đã chết !
Hãy buồn đi ! và hãy cất tiếng cao
Để cùng nhau than-khóc kẻ anh-hào
Non nước hỡi ! nghìn thu không về nữa !
Than ôi ! hơn ba-mươi năm lao khổ
Sao dẫn người đến cái chết đau-thương !
Chốn rừng xa, núi thẳm, nơi tha hương !

. • .

Nhưng người hãy yên-vui về thiên-giới !
Oanh nghiệp xưa tổ-quốc giữ đinh-ninh.
Trên trời cao, trong mây vàng chói-lọi
Bên những đấng anh-hùng, bên những đấng hy-sinh.

VŨ ĐÌNH LIÊN

II

Nghe tin ông Vĩnh mới qua đời,
Sùi-sụt thương ông hạt lệ rơi.
Công-nghiệp văn-chương còn để lại,
Quốc-dân hâm mộ hãy còn dài.

∴

Thương ông xin gắng chí theo ông,
Yêu nước cùng nhau nghĩa-vụ chung.
Bút mực hỏi ai mong báo quốc,
Soi gương chí-sĩ ráng nên cùng.

∴

Văn-đàn học-giới nước Nam ta,
Sao được như người mới thật là...
Một nước văn-minh trên thế-giới :
Hỡi ai học-giả tính sao mà...

∴

Bởi mong cho nước được bằng người,
Ông Vĩnh chăm lo suốt một đời.
Đem óc, đem lòng dâng tổ-quốc,
Thương ông ta phải gắng theo đòi...

Báo « *Khuyến học* »

VĂN ĐIẾU

I

Hỡi ôi !
Bể trời chí-khí ;
Non nước tình hoài.
Tay trắng hai bàn ;
Lòng son một tấm.

Anh-hùng không gặp vận, mấy mươi năm phấn-đấu phong-trào ;

Tạo-vật khéo trêu ngươi, năm-nhăm tuổi giã-từ nhân-thế.

Mở cờ đầu trong báo-giới, công quốc-văn còn mãi nghìn thu ;

Treo gương sáng cho quốc-dân, làng chính-khách dễ tìm mấy kẻ !

Trời Lào bụi thẳm ;
Bến Nhị mây mờ.
Đọc lại văn xưa ;
Tiếc thay ! người ấy.
Ô hô ! !

Báo « *Trung-Bắc* »

II

Điếu-văn của Phan Trần Chúc đại-diện báo - giới Bắc-Việt

« Thưa các ngài.

« Chúng tôi không thể nén sự đau lòng, khi phải đưa đến chỗ ở cuối cùng một nhà ngộn-luận, một nhà đại-văn-hào, trọn đời đã hy-sinh cho lý-tưởng. Cái lý-tưởng ấy là mưu việc tiến-hóa cho dân-tộc Việt-nam bằng sự cải-cách về tư-tưởng và văn-học

« Sự đau-đớn của chúng tôi càng gấp bội hơn nữa. Vì đối với chúng tôi, Nguyễn tiên-sinh là anh trưởng, là bậc nguyên-huân trong làng báo.

« Cái danh-vọng của tiên-sinh ba-mươi năm nay đã lừng-lẫy khắp cõi Đông-dương ; không một nhà trí-thức Việt-nam nào là không biết tiếng tiên-sinh, vì đã đọc văn của tiên-sinh tranh-biện rất hùng-hồn trên diễn-đàn của các viện dân cử.

« Cái đời oanh-liệt của tiên-sinh kết tạo bằng can-đảm và nghị-lực sẽ là một cái gương rất tốt cho chúng ta và nhiều đời về sau ta nữa.

« Sinh về cuối thế-kỷ thứ 19, Nguyễn tiên-sinh trưởng thành vào lúc trên giải đất Đông-dương vừa im tiếng súng của người Pháp với người Nam. Cũng như tất cả các nước mới bị chinh-phục, xã-hội ta về thời đó đã đổ nát hoàn toàn. Con thuyền quốc-gia phút chốc mất hẳn tay lái, chơi

vơi ở giữa trận phong-ba. Phái trí-thức, một phần tự nhận có cái trách-nhiệm phải bênh-vực cho đất nước thì chủ-trương cuộc phấn-đấu đến kỳ cùng. Những cuộc bạo-động đó đưa người ta đến một cái kết-quả rất khốc-liệt là thua và chết. Một phái nữa tin ở hai chữ « vận nước », bó tay sống trong sự thất vọng, chịu chết về tinh-thần. Phái thứ ba đã uốn mình theo cái chủ-nghĩa chiều đời để bảo toàn sự no-ấm, trong lúc ngót hai-mươi triệu đồng-bào bị điêu-đứng vì thời-thế.

« Nguyễn tiên-sinh đứng hẳn ra ngoài ba hạng ấy. Nhân đọc các sách thái-tây và soi gương nước Nhật-bản, tiên-sinh cũng nhận thấy như Từ-dũ thái-hậu : « Nước yếu tất phải theo nước mạnh ». Và sự yếu-mạnh, không phải chỉ ở khí-giới, tiền-tài. Trên những cái đó, cái thế-lực của quốc-gia có căn-cứ vào một điều quan-hệ hơn nữa : dân-trí. Cho nên muốn cho nước mạnh cần phải mưu việc giáo-dục cho bình-dân, gieo cái tinh-thần quốc-gia vào khối óc phái bình-dân, và làm cho phái bình-dân thâu-thái được những tư-tưởng thích-hợp với thời-đại. Theo ý tiên-sinh thì nước không phải là của một người hay của riêng một bọn người. Nước là của chung tất cả mọi người sinh trên giải đất này. Đối với tổ-quốc, phái trí-thức và phái bình-dân, cái trách-nhiệm to ngang nhau và quyền-hạn như nhau ; tư-tưởng cộng-hòa phát-triển trong óc tiên-sinh từ hồi đó, nghĩa là từ lúc người Việt-nam chưa biết có một chính-thể nào khác ngoài chính-thể quân-chủ chuyên-chế.

« Năm 1906, tiên-sinh sang dự cuộc đấu-xảo Marseille. Lần Pháp-du thứ nhất đó giúp cho tiên-sinh nhìn thấy tận nơi những cái đặc-điểm của người giống trắng, những đặc-điểm mà tiên-sinh đã đọc thấy trong các sách, báo ; tiên-sinh có định-kiến từ đấy.

« Một dân-tộc thất học có đến chín-mươi chín phần

trăm thì còn có hy-vọng ngóc đầu lên sao được, nếu phái trí-thức không lo giáo-dục cho bình-dân là phần cốt-yếu của dân-tộc ấy. Nhưng thực-hành một chương-trình giáo-dục không phải là việc dễ, nhất là nước mình không có sẵn một thứ chữ riêng.

« Chữ Hán là chữ mượn của nước người. Học cho viết và đọc được thông chữ Hán cũng đã cùn đời. Hai nghìn năm nhập-cảng vào nước Việt-nam, chữ Hán trước sau chỉ là một món học riêng của một số ít người và phần đông học chữ ấy, người mình không có mục-đích nào khác là gọt-giũa câu văn cử-nghiệp.

« Trong « *Đăng cổ tùng báo* » số đầu, Nguyễn tiên-sinh viết : « Chữ Nho quả là một cái hàng rào chắn ngang đường văn-minh, làm cho kẻ đi học mỏi lưng tốn cơm-gạo mới dùng được chữ, khi dùng được chữ thì trán đã nhăn, lưng đã còng vì nỗi giùi-mài một đời, học các điều cao-xa quá. »

« Tiên-sinh không có cái ảo-mộng làm cho hai-mươi triệu đồng-bào cùng thành nhà bác-học cả. Vì đó là một điều không thể đạt được. Căn-cứ vào sự thực-tế, tiên-sinh dùng thứ chữ dễ học nhất làm cỗ xe truyền-bá tư-tưởng trong phái bình-dân. Thứ chữ ấy do một viên giáo-sĩ sáng-kiến ra, thứ chữ trước khi có cái mỹ-ý của tiên-sinh chỉ dùng trong phạm-vi của các giáo-hội. Thứ chữ ấy, chữ Quốc-ngữ ngày nay chúng ta đã lấy làm vinh-dự nhận làm quốc-văn. Thứ chữ ấy, nếu Nguyễn tiên-sinh không mang ra truyền-bá thì không mấy người để ý đến và không đắc dụng như ta hiện thấy.

« *Nước Nam ta sau này hay dở là ở như chữ Quốc-ngữ* » Đó là câu nói tâm-huyết của Nguyễn tiên-sinh vậy.

« Nguyễn tiên-sinh là người nói và làm. Đã có sẵn một ý-tưởng trong óc, tiên-sinh bạo-dạn mang ý-tưởng ấy ra thực-hành. Nên năm 1907, tiên-sinh cùng bạn đồng-

chí đã lập nên « *Đông-kinh nghĩa thục* » để truyền-bá chữ quốc-ngữ, ngoài cái mục-đích thứ hai là vận-động về chính-trị.

« Năm 1908, tiên-sinh mới thật bước chân vào nghề làm báo. Giữ cái trọng trách là chủ-bút tờ *Đăng-cổ tùng báo*, Nguyễn tiên-sinh là người đầu tiên đã viết được thông-thạo quốc-văn. Lời văn của tiên-sinh giản-dị, nhưng ý-tứ dồi-dào. Vì noi theo cái mục-đích mở-mang tri-thức cho phái bình-dân, nên mỗi bài của tiên-sinh viết đều chú-trọng vào bình-dân, để tặng cho bình-dân. Tiên-sinh tránh xa những tiếng nói cầu-kỳ, những ý-tứ siêu-viễn. Mỗi tiếng, mỗi câu của tiên-sinh viết đều có nghĩa phổ-thông. Nhân đó mà ai cũng ham đọc văn tiên-sinh, vì ai cũng tin là có thể hiểu được một cách minh-bạch những lời của tiên-sinh nói và viết.

« Sở đắc ở chữ Hán và chữ Pháp, tiên-sinh đã lợi-dụng hai thứ chữ ấy mà tạo nên được một nền quốc-văn trong-trẻo, không bợn vì những tiếng và chữ tiêm-nhiễm của nước ngoài. Cũng một lối viết giản-dị ấy, tiên-đã lần-lượt biên-tập các báo *Đông-dương tạp-chí*, *Trung Bắc tân-văn*, cho đến *Annam Nouveau* là một tờ báo Pháp-văn mà những bài do tiên-sinh viết ra cũng khỏi cái thông-lệ của người thường. Những bài ấy cũng giản-dị, cũng dễ hiểu, cũng có những đức-tính riêng của tiên-sinh có. Người Việt-nam vì quốc-văn mà kính-phục tiên-sinh ngần nào thì người Pháp cũng vì Pháp-văn mà tôn-trọng tiên-sinh ngần ấy.

« Nhưng công-cuộc hành-động của tiên-sinh không phải chỉ ở trong phạm-vi mấy tờ báo. Tiên-sinh lại còn chịu tốn công dịch các bộ Pháp-văn ra Quốc-văn. Trong khoảng ba-mươi năm, người Việt-nam không cứ phải có học Pháp-văn, cứ đọc bản dịch quốc-ngữ của tiên-sinh cũng đủ hiểu-biết tư-tưởng các nhà văn-hào ở Âu-châu

như Fénelon, Victor Hugo, la Fontaine, A Dumas v.v. Những nhà văn-hào đó đã gây sự thịnh-vượng về nền văn-minh cho nước Pháp.

« Âu - châu là quan - hệ cho cuộc tiến-hóa của nhân-loại, mà cái văn-hóa của Đông-phương cũng không phải là không cần cho các nước Á-châu. Nên cái thâm ý của tiên-sinh là dung-hòa hai cái văn-minh Âu-Á mà lập cho nước nhà một nền văn-hóa riêng, nền văn-hóa Việt-nam hẳn.

« Cùng một cái quan-niệm ấy, Nguyễn tiên-sinh thi-hành cả về chính-trị. Trước sau tiên-sinh vẫn chủ-trương chính-sách Pháp-Nam cộng tác. Vì theo tiên-sinh, duy chỉ có chính-sách ấy mới dắt được dân-tộc mình ra khỏi cái số-phận hèn-kém về cuối thế-kỷ 19.

Năm 1930, Nguyễn tiên-sinh xướng lên thuyết trực-trị. Tiếng gọi tuy có khác, nhưng chính-sách trực-trị trước sau vẫn kế tiếp cái tư-tưởng Pháp Việt đề huề ; ý-kiến của tiên-sinh có nhiều người tán-thành vì nó là chính-thể duy-nhất khả-dĩ thi-hành được lúc này và gọt-giũa được bao nhiêu sự giả-dối kết thành một cái ung-độc cho xã-hội. Về đời công cũng như đời tư, Nguyễn tiên-sinh lúc nào cũng giữ thái-độ cương trực quả quyết. Trong khi nói chuyện thường, hay giữa các cuộc tranh-luận tại nghị-viện, tiên-sinh không bao giờ ngại-ngùng mà không nói thẳng bằng những câu nói mạnh-mẽ thành thật khiến cho người nghe cũng phải kính-phục. Tiên-sinh sở dĩ để lại được cái văn-nghiệp rất quý-báu cho đời sau, hầu hết là nhờ ở chí thông-minh, đức mẫn-cán và tài quan-sát. Không một môn học nào tiên-sinh không xem - xét. Không một sự-vật gì tiên-sinh không tìm cách thấu hiểu. Cho mãi đến lúc về già, tiên-sinh vẫn dụng công làm việc : viết báo, viết sách một cách chuyên cần như khi còn trẻ tuổi.

« Đối với tiên-sinh, đời người không có lúc nào đáng

thất vọng. Lúc thành công cũng như khi thất bại, tiên-sinh vẫn hết sức phấn-đấu và vẫn tin ở sự tốt-đẹp của tương-lai. Tiên-sinh là một trong số người rất hiếm đã đem dùng được câu châm-ngôn của một nhà triết-học Trung-hoa: « Phú-quý bất năng dâm, bần-tiện bất năng di, uy-vũ bất năng khuất ».

« Tiên-sinh mất! nhưng cái sự-nghiệp văn-chương của tiên-sinh còn mãi và cái danh của tiên-sinh sẽ bất tử với văn-học và báo-giới nước nhà.

« Tiên-sinh mất, mất một cách không ngờ, chúng tôi không cầm được giọt lệ vì trong vài phút nữa, ba thước đất kia sẽ che-khuất di-hài của tiên-sinh, và cũng trong vài phút nữa tiên-sinh sẽ vĩnh-biệt chúng ta, vĩnh-biệt để đi sang thế-giới khác.

« Nhưng hình-ảnh của tiên-sinh vẫn in sâu trong trí-nhớ của chúng tôi và tên-tuổi tiên-sinh sẽ đứng đầu trong cuốn lịch-sử vẻ-vang của báo-giới. ».

PHAN TRẦN CHÚC

III

Điếu-văn của ông Bùi Kỷ đại-diện hội Phật-giáo Bắc-Việt

« Ông Vĩnh ơi, trước đây một tháng ông còn là một người bạn rất thân-thiết của đồng-bào, một người dân rất trung-thành của tổ-quốc, nay ngờ đâu, nghìn năm rồi. Thân-thế ông, sự-nghiệp ông sẽ kể rõ trên các báo-chương, ghi-chép trong tập quốc-sử, những lời tự-thuật và tán-dương của tôi có lẽ chả thấm vào đâu. Song cái tin ông mất như tiếng sét bất thình lình, đã làm chấn động cả một nước, bất cứ phái nào, đều phải ngậm-ngùi ngơ-ngác, coi như là đã vắng mất một người có quan-hệ đến tình-thế xứ này. Ông chỉ là một người đem tấm lòng son, hai bàn tay trắng, ngang-dọc đội trời đạp đất, trong vòng ba-mươi năm nay mà để cho đời phải yêu-mến ông, tin-cậy ông, kính-nể ông, đủ biết ông là người thế nào vậy.

« Ông là một người có tài lỗi-lạc, có trí hùng-nghị, có học-vấn uyên-bác, có tư-tưởng siêu-việt, có bản-lĩnh chính-đại. Cổ-nhân có câu: « Ngôn hành bất quy ư tâm, bất phục ư tâm, bất ma ư thế ». Ông thật xứng-đáng với câu này vậy.

« Ông là người hấp-thụ trước nhất được những phần hay phần đẹp trong văn-hóa Âu-châu mà nước Pháp đã đem sang cho ta, mà lại biết bảo tồn những điều nên giữ nên theo ở trong văn-hóa của Á-đông. Ông thường nóng lòng sốt ruột đến vận-mệnh của nước nhà, cốt mong gây-

dựng lấy một nền học-vấn dung-hòa cả mới cũ, để thích-hợp với trình-độ hiện thời, cho nên không những ông đã giúp được bao nhiêu việc có ích-lợi cho nền tân-học mà ngày nay như Phật-giáo là một nền cổ-học ông lại càng sốt-sắng hăng-hái cùng anh em sáng-lập nên hội Phật-giáo ở Bắc-kỳ ; một người hoàn toàn duy-tân như ông mà quay đầu về phật-học để làm tiêu-biểu cho tân-phái, ông quả là có đôi huệ-nhỡn đã nhìn thấu cuộc quá-khứ, hiện-tại và vị-lai của nước nhà, định đem tấm lòng bác-ái bằng-đẳng từ-bi tĩnh-tiến của đạo phật mà cảm-hóa lòng người.

« Thôi, từ ngày nay trở đi, đồng-bào mất một người bạn thân-thiết, tổ-quốc mất một người dân trung-thành, mà nhất là hội phật-giáo ta mất một người đồng-chí rất đắc lực. Mất một người mà chỉ có một không có hai nữa, đau-xót biết là chừng nào. Anh em chúng tôi đến kính viếng ông có mặt đông đủ ở đây, già hơn ông cũng có, trẻ hơn ông cũng có, đáng lẽ ông nên trẻ để giúp bạn già, cũng chửa nên già để dìu-dắt bạn trẻ ; thế mà ông đã vội từ-giã chúng tôi, để già trẻ bâng-khuâng, vừa thương vừa tiếc. Thương-tiếc đến nỗi nói không ra lời, khóc không ra tiếng.

Than ôi, ông Vĩnh ôi ! ».

BÙI KỶ

IV

Điếu-văn của ông Nguyễn mạnh Bổng

« Kính thưa các quan cùng các ngài,

« Tôi đọc bài kính điếu ông Nguyễn Văn Vĩnh đây, trước hết tôi xin lấy tư-cách quản-lý báo « *Tiếng chuông sớm* » thay mặt đoàn-thể Bắc-kỳ cổ-sơn-môn đến kính điếu ông. Khi báo « *Tiếng chuông sớm* » mới thành-lập thì sư cụ Đinh xuân Lạc là tăng-trưởng và Hòa-thượng Đỗ văn Hỷ có viết thư đến kính thỉnh ông làm danh-dự cố-vấn cho hội-đồng sáng-lập và tòa-soạn. Sau cụ tăng-trưởng Đinh xuân Lạc lại có đến phỏng vấn ông, được ông tỏ ra một tấm lòng rất nhiệt thành về việc chấn-hưng phật-giáo, nhưng ông hiện nhận chức trong hội-đồng quản-trị hội phật-giáo Bắc-kỳ, không tiện để cho báo « *Tiếng chuông sớm* » ghi quý tính phương danh ông lên bìa báo. Dù thế mặc lòng, ông cũng vui lòng giúp đỡ trong những khi có điều gì mà cổ-sơn-môn cần đến ông. Hết thảy chư tăng Bắc-kỳ, ai cũng quý-mến tấm lòng lưu tâm đến phật-giáo của ông, và ai ai cũng biết rằng ông là một bậc người hướng đạo cho quốc-dân đã có công lớn về sự xây-đắp nền tân-văn-hóa cho nước tổ Hồng Lạc nhà. Nay ông quá vãng đi, thật là để một mốt di hận lại cho tất cả mọi người trong các giới. Sơn-môn-cổ phật-giáo Bắc-kỳ ủy cho chúng tôi kính viếng ông và cầu cho linh-hồn ông được siêu sinh tịnh độ.

« Về phần riêng tôi, là một người bạn học với bác-sĩ Nguyễn Hải, là một kẻ hậu bối, chính đã được nhờ ông đào-tạo cho một cách vô hình mà sau trở nên một người biết viết văn và có dự phần trong báo giới từ hồi *« Đông-dương tạp-chí »* mới thành-lập. Những bài « Lời dàn-bà » ký tên Đào thị Loan của ông đã khiến cho tôi lấy làm khuôn-mẫu học theo, mà năm 17 tuổi tôi đã viết những « Lời đàn-bà » ký tên là Nguyễn thị Bồng, nhờ được ông dìu-dắt cho mà từ đấy tôi để lòng luyện-tập quốc-văn là một môn học hồi bấy giờ không có trường và không có thầy dạy. Tôi chỉ để tâm xem đọc những bài văn của ông viết ra rồi lấy tài-liệu ở những sách nho, sách tây, để tập viết quốc-văn mà thôi. Ông thật là một bậc minh sư chỉ đạo cho những người hậu tiến ở trong làng văn và trong làng báo. Tôi dám cả tiếng mà nói rằng: hết thảy những người theo chân nối gót ông ở thời-đại gần đây và hiện nay đều cũng như tôi, là những người học-trò gián-tiếp của ông cả. Ông bạn Tam-lang Vũ đình Chí, sau khi nghe tin ông tạ thế, viết trong *« Ngọ báo »* một bài khóc ông, suy-tôn ông làm ông « thủy-tổ » nghề làm báo quốc-văn và dịch sách quốc-văn ở đất Bắc-kỳ, thật là một lời nói thành thật đáng kính. Bao nhiêu công-nghiệp hiển-hách của ông về mọi phương-diện học-thuật kinh-tế, xã-hội, chính-trị, thì trên mặt báo mấy hôm gần đây đều đã lịch tự rất đủ cả rồi. Hôm nay tất cả báo-giới và văn-học-giới có mặt ở đây đều đã công-nhận và những bài điếu văn rất hùng-hồn của các ngài vừa đọc xong cũng đã đủ cả rồi. Tôi chỉ xin lấy tư-cách là một kẻ viết văn in sách với các bạn văn-sĩ trong khoảng vài mươi năm trở lại đây, mà xin thay mặt tất cả mọi người kính viếng ông.

« Nhân ngày nay tôi lại có dự chân vào làng y-dược Đông-phương ta ở Bắc-kỳ; cách đây mấy năm trước có một bản dự-thảo ra nghị-định hạn-chế việc làm thuốc và

bán thuốc bắc. Hết thảy các ông lang, các hàng bào-chế, các nhà buôn thuốc sống ở Bắc-kỳ có hội-họp lại để nhờ cậy các ông đại hội-nghị kinh-tế bênh-vực cho. Chính tôi đã được các bạn suy-cử ra đọc bài chúc từ để yêu-cầu các ngài đại-biểu đi họp đại hội-nghị kinh-tế. Ở tiệc « Đông-hưng-viên », thì ông đã cùng với các vị đại-biểu quang lâm tới tiệc và ông thay lời tất cả các nhà đại-biểu mà đáp lại bài chúc từ của chúng tôi, ông có khuyên các nhà y-dược ta để tâm chấn-chỉnh lại việc làm thuốc bắc, và hứa rằng sẽ hết lòng bênh-vực cho việc làm thuốc ta không phải hạn-chế như bản dự-án Hermant. Kết-quả về sau được đúng như lời ông đã nói. Cái ơn ông cùng các đại-biểu khiến cho những người làm thuốc, bán thuốc chúng tôi cũng còn ghi nhớ tới ngày nay. Vậy cái nghĩa-vụ của tôi là phải thay mặt hết thảy đồng-nhân trong y-dược-giới ta mà tới đây để tỏ lòng nhớ ơn ông và kính chúc ông yên giấc nghìn thu.

« Than ôi ! Cuộc đời dâu bể, tạo-hóa tiểu nhi ! một cái thân-thế trong-sạch, một đời tận-tụy với việc bồi-đắp văn-hóa cho tổ-quốc đồng-bào, dù kẻ ghét người yêu, kẻ thù người bạn, đều cũng phải công-nhận là một bậc vĩ-nhân đã giúp nhiều việc có ích cho giang-san tổ-quốc, là một bậc hào-kiệt gắng sức phấn-đấu với muôn nghìn nỗi khó-khăn về thời-thế, về hoàn-cảnh, về nhân-tâm đen-tối, về xã-hội suy-đồi, chỉ có một lòng mong-muốn cho người nước khôn, vận nước chuyển, thế nước có ngày mạnh, cảnh nước có ngày thuận, con Hồng cháu Lạc có ngày chen vai thích cánh với năm châu. Thế mà trời xanh không để cho ông trường thọ lấy vài chục năm nữa để đem lịch duyệt lão-thành ra dìu-dắt đồng-bào ! Thật quốc-dân Nam-Việt ta từ gái chí trai, từ già chí trẻ, ai ai cũng phải lấy làm thương-tiếc buồn-rầu. Nhưng thôi ! từ nay ông quy ẩn, ông để lại cho hậu tiến một cái di-sản bằng tấm lòng yêu

nước, chí-khí phấn-đấu cho đến trận thở cuối cùng. Hai cái đó cũng là hai cái hương-hỏa đáng quý-báu cho người nước ta ngày nay và ngày sau. Hễ còn có người biết lo việc nước, biết đoái nhìn giang-san Tổ Việt, còn có người biết đem tài-trí ra mà phấn-đấu với muôn nỗi khó-khăn, thì là linh-hồn ông bất diệt. Vậy tôi xin cúi đầu kính chào ông trong lúc cái khu-xác của ông tương biệt đồng-bào mà tinh-thần ông vẫn còn lưu lại ở trong văn-chương sách-vở và trong lòng trong óc quốc-dân. Xin kính chúc ông yên giấc nghìn năm.

Than ôi ! thương thay !

NGUYỄN MẠNH BỔNG

V

Điếu-văn của dân làng Phượng-dực do ông giáo-học Phạm hoàng Chung đại-diện

« Thưa các ngài,

« Chúng tôi là hương-hội lý-dịch xã Phượng-vũ, thay mặt cả dân làng xin phép các ngài tỏ lời kính viếng ông Nguyễn Văn Vĩnh là chánh-hương-hội làng chúng tôi.

« Ông chánh-hội Nguyễn Văn Vĩnh ôi ! ông sinh ở Hà-nội nhưng gốc là ở làng, nên đối với làng lúc nào cũng tỏ ra lòng quyến-luyến lắm.

« Dân làng đối với ông, ai nấy đều kính-mến, vì ông là người có đủ tài đức.

« Năm 1921, chính-phủ thực-hành cải-lương hương-chính, dân làng thỏa-thuận bầu ông ra làm chánh-hương-hội.

« Ông cũng biết thừa rằng công-việc ấy dù có phiền-phức khó-khăn cho ông, nhưng ông lại nghĩ đến chỗ quê cha đất tổ mà ông lấy làm vui lòng nhận ngay. Đến năm 1927, dân lại được nhờ ông xin phép nhà nước mở một trường học tại làng, và ông lại hết lòng mời được quan toàn-quyền, quan thống-sứ, quan công-sứ, quan tổng-đốc, quan học-chính và các quan tây, nam đều về dự lễ khánh-thành trường học, hiểu-thị việc học. Từ bấy giờ trong dân làng được rộng thêm đường học-vấn, mở-mang trí-khôn. Nào chỉ những thế mà thôi đâu, lại còn cách cư-xử của

ông, dân làng lại càng mến-phục lắm. Xem những khi ông rảnh việc về làng, đối với người già thì kính-trọng, đối với người trẻ thì khoan-hòa, như thế ai mà chẳng tôn-trọng kính-yêu, coi ông thật là một ông chánh-hội hoàn toàn ở làng Phượng-vũ ta vậy.

« Thế mà, ôi chao ôi ! bỗng chốc dân làng nghe thấy tin ông tạ thế, đều bàng-hoàng như sét đánh ngang tai, không biết vì đâu mà nên nòng-nỗi để cho dân thêm buồn, thêm nhớ, thêm tiếc thêm thương, những mong ông tái sinh lại được.

« Thôi thì thôi ! bể dâu biến đổi, mặc dầu tạo-hóa xoay vần, buồn cũng thế mà thôi, nhớ cũng thế mà thôi, thương-tiếc cũng thế mà thôi, ông cũng chẳng ở cõi trần này nữa. Nay dân làng có mấy lời thành thật đến trước mộ kính viếng ông được yên giấc ngủ nghìn năm, họa may ông ở dưới suối vàng cũng có lòng cảm-động.

« Nay kính viếng. ».

PHẠM HOÀNG CHUNG

VI

Điếu-văn của ông Janvier sáng-lập hội La Loge Confucius

Mon très cher frère Vĩnh,

« J'ai le douloureux privilège, comme fondateur de la Loge « Confucius », de vous adresser l'adieu de vos Frères et Soeurs de l'Ordre Maçonnique Mixte International «Le Droit Humain ».

« Le jour où j'ai eu la grande joie de vous recevoir pour la première fois et de vous donner l'Initiation Maçonnique ne sortira jamais de ma mémoire. Depuis longtemps je vous connaissais. Depuis longtemps je savais qu'un jour viendrait où, attiré par la noblesse de notre idéal si proche du vôtre, vous viendriez frappez à la porte de notre Temple. Ce sera la fierté de ma vie maçonnique d'avoir pu vous en donner l'entrée.

« Tout de suite nous avons pu apprécier la loyauté et la droiture de votre pensée, l'ardeur avec laquelle vous avez pris part nos travaux, la noblesse de vos sentiments toujours exprimés avec netteté et franchise.

« Entré dans la grande Famille Maçonnique par la porte que vous a ouverte l'Ordre International Mixte « Le Droit Humain », vous avez voulu ensuite étendre votre activité en demandant votre admission à la Grande Loge de France, et si la Grande Faucheuse vous en avait laissé le

temps vous auriez pris place également, j'en suis certain, dans ce Temple du Grand Orient de France qui, grâce à l'estime affectueuse dans laquelle vous tenaient tous nos Frères, a pu abriter votre dernier sommeil.

« Est-ce bien un dernier adieu que je vous adresse, mon très cher frère Vĩnh, au nom de tous vos Frères et Soeurs ? Ni l'homme que vous étiez, fervent disciple des doctrines bouddhistes, ni l'homme que je suis, nourri également des sereines philosophies de l'Inde, ne peuvent le penser. Toutes ces philosophies ne nous disent-elles pas que la vie est éternelle, qu'elle ne meurt jamais et que vie et mort ne sont que des états alternés d'une seule Chose ? Notre vieux Symbolisme maçonnique ne nous donne-t-il pas un enseignement du même ordre ? Forts de ces croyances, nous sommes nombreux à penser que la « Roue des Renaissances » finit toujours par remettre en contact les êtres qu'ont unis sur terre les liens d'une sincère et profonde affection. Amour est, dit-on, plus fort que la Mort. Des régions sereines où vous vivez maintenant, mon Frère Vĩnh, vous nous enverrez votre pensée, votre aide, et nous vous sentions toujours près de nous. Un jour enfin les êtres que nous avons été se retrouveront et reprendront le travail grâce à la Grande Loi de l'Amour qui conduit indéfiniment ceux qui ce sont aimés vers toujours plus de force, de beauté et de lumière, par de là les tombeaux. »

JANVIER

VII

Điếu-văn của ông Henri Tirard bậc lão-thành trong báo-giới Bắc-Việt

« Mesdames,

« Messieurs,

« Au nom de la Presse française, libre et indépendante, au nom de la Presse indochinoise dont je suis le doyen, j'ai tenu à accompagner Nguyễn Văn Vĩnh jusqu'à sa dernière demeure et lui donner le dernier au revoir.

« Mon confrère Haiphonnais retraçant la vie de Nguyễn Văn Vĩnh a dit qu'il avait fondé le « Đai Nam Đồng-văn nhật báo » premier journal annamite, rédigé en caractères chinois avec partie en quốc-ngữ dont Nguyễn Văn Vĩnh rédigeait le texte.

« En 1893, Nguyễn Văn Vĩnh avait 12 ans, il ne pouvait pas collaborer à ce journal officiel crée par feu M. de Lanessan, Gouverneur Général de l'Indochine, en Septembre 1891. Ce journal rappelait le « Bulletin des Communes » crée à Saigon en 1862 et rédigé en chinois. Il était comme un complément du « Gia-định báo » de la Cochinchine destiné à faire connaitre aux populations indigènes les actes du Gouvernement français, ses désirs et le but de la présence de la France au Tonkin. Il était rédigé par des lettrés chinois choisis par S. E. le Kinh-lược.

« Il y avait aussi le « *Đại Nam Đồng-văn nhật báo* » ou « *Nouvelliste de l'Annam* » (littéralement : du grand sud journalières nouvelles) qui paraissait à Haiphong, une fois par semaine. Sa partie politique était inspiré par « *Le Courrier d'Haiphong* », sa partie commerciale par la circulaire commerciale de M. A. R. Marty. Il était exclusivement rédigé en chinois, spécialement édité pour les Chinois.

« Il y avait encore la « *Gazette de Huê* », journal officiel du Gouvernement annamite qui paraissait une fois par semaine. Elle publiait les nomminations fonctionnaires, les actes de la Cour de Huê et des communications savantes à la suite des concours des lettrés.

« Plusieurs années après le traité du 6 Juin 1884, la « *Gazette de Huê* » contenait encore des instructions hostiles à notre administration.

Sous Thuyêt (1883 - 1885), fut même publiée une Gazette officielle secrète.

« *La Gazette de Huê* » n'était adressée qu'aux fonctionnaires annamites; elle n'était pas susceptible d'abonnement.

« A cette époque, du début du journalisme au Tonkin, feu Schneider, qui avait débuté comme typographe à l'imprimerie National du Protectorat, était encore chef d'atelier. Plus tard Schneider devint imprimeur libre et rachetant le matériel gouvernemental, édita le « *Trung-Bắc tân-văn* », en collaboration avec Nguyễn Văn Vĩnh.

« L'histoire du journalisme en Indochine étant rétablie, nous dirons que Nguyễn Văn Vĩnh fut l'Animateur de la Presse indigène. Il était, depuis peu longtemps, le doyen des journalistes tonkinois.

« L'oeuvre qu'il accomplit fut assez belle et grandiose, pour ne pas lui attribuer la création du journal qui existait déjà, alors qu'il était encore un enfant.

« Nguyễn Văn Vĩnh avait su se former une personnalité. Il avait été un des plus avancés en politique. Il rêvait à certain moment, d'une République annamite, avec un Président sous un protectorat français. Ses articles écrits en quốc-ngữ, à l'époque de la révolution chinoise, alors que Viên Thế Khải venait d'être nommé Président de la République chinoise, ne cachaient pas son dessein de voir son pays vivre sous le régime républicain français.

« Il est regrettable que Nguyễn Văn Vĩnh, lettré annamite et français, ait eu à lutter contre le « financier dans la cité » qui l'obligea à quitter son Annam Nouveau, son enfant, pour le forcer par la suite, en devenir un trappeur, métier pour lequel il n'était pas préparé et qui devait le terrasser.

« Nguyễn Văn Vĩnh était parti au Laos à la conquête de l'or. Il croyait peut-être découvrir en cet Eden, la pépite monstre qui aurait donné les moyens d'exprimer sa pensée en toute liberté, et de dire ce qu'il ne savait pas cacher quand il croyait défendre une cause juste et loyale. Dans son dernier reportage venu des rives du Mékong, il nous avait montré un colon français rencontré dans la brousse, lequel vivait seulement, sans se soucier des événements politiques ou sociaux qui se passaient près ou loin de lui pour vivre, et Nguyễn Văn Vĩnh avait admiré ce Français, dur au labeur, tout en souhaitant qu'il en vint beaucoup de cette espèce en son pays tonkinois, en vue d'une collaboration étroite en travail franco-annamite, en quoi il avait raison.

« En 1931, Nguyễn Văn Vĩnh avait été désigné par le Gouverneur Général René Robin pour représenter la Presse tonkinoise indigène à l'exposition coloniale internationale de Paris. J'ai beaucoup regretté que Nguyễn Văn Vĩnh, — qui déjà se débattait contre ceux qui voulaient supprimer son oeuvre — ne vint pas à Paris, à mon côté au Congrès de la

Presse coloniale française et internationale. Il y aurait accompli oeuvre utile devant tous ces publicistes coloniaux de la Métropole qui connaissent bien mal les sujets dont ils parlent et qui pillent leurs confrères coloniaux, sans respect pour le droit d'auteur.

« La mort de notre confrère Nguyễn Văn Vĩnh doit être un enseignement pour nos jeunes confrères français et annamites. Ils se souviendront que le métier de publiciste nourrit tout juste celui qui l'exerce, s'il veut demeurer honnête, libre, indépendant.

« Tous ceux que nous avons conduit au champ de repos, en ce pays sont morts pauvres, laissant derrière eux, parfois la misère, après avoir réclamé pour tous le droit des gens, défendu les uns et les autres, les grands de la Terre et les Humbles, dont l'égoisme veut qu'ils ne soucient pas de savoir si le publiciste aura une assurance sur la vie pour sa veuve, ou bien une retraite pour ses vieux jours, retraite accordée aujourd'hui à tous les travailleurs manuels.

« Nguyễn Văn Vĩnh vous avez été un bon artisan de la Presse libre et indépendante. Reposez en paix. Je salue une dernière fois votre dépouille mortelle. »

HENRI TIRARD

BÌNH-LUẬN

I

(Ngày thứ tư 6-5-1936, báo « *Trung-Bắc tân-văn* » thay mặt tất cả bạn đồng-nghiệp quốc-văn ở Bắc, gửi tin điện báo tin buồn — Nguyễn Văn Vĩnh tạ thế — cho các đồng-nghiệp trong Nam. Dưới đây là tin-điện trong Nam gửi ra) :

« Profondément affectés mort de notre compatriote et confrère Nguyễn Văn Vĩnh.

« Adressons à la famille du défunt nos condoléances émues et partageons par mêne occasion avec nos confrères du Tonkin, douleur de cette perte.

Nguyễn phan Long	« *Việt-nam báo* »
Nguyễn đức Nhuận	« *Sài-gòn* »
Tô ngọc Dương	*Công-luận*
Phan văn Thiết	*Tân-văn*
Nguyễn văn Sâm	*Đuốc Nhà Nam*
Nguyễn văn Của	*Lục-tỉnh tân-văn*
Lê trung Cang	*Điện tín*
Đào trinh Nhất	*Mai*
Bùi quang Chiêu	*Tribune Indochinoise*
Thái nam Văn	*Renaissance*

II

« Ông Vĩnh chết!... Lặp lại ba tiếng ấy, chúng tôi

muốn không tin ; nhưng không tin sao được ? Sự thật đã sờ sờ ra đó...

« Phút ngạc-nhiên ngơ-ngẩn qua, ngồi yên-lặng tôi nhớ lại cái con người thân-hình mập-mạnh không cao không thấp, cử-chỉ lanh-lẹ, nói-năng bặt-thiệp, mặt-mày vui-vẻ mà năm xưa tôi đã có dịp làm quen, lúc ông làm đại-biểu cho xứ Bắc vào dự đại hội-đồng Kinh-tế lý-tài.

« Tuy không có dịp gần-gũi ông nhiều, tuy về tư-tưởng chính-trị của ông có đôi chỗ tôi không đồng ý-kiến, nhưng hay tin ông Nguyễn Văn Vĩnh ra người thiên-cổ, tôi không khỏi ngậm-ngùi, thương-tiếc một nhà văn có công-nghiệp với báo-giới, với nền văn-học xứ này, vừa là một nhà chính-trị có lương-tâm, tiết-tháo...

« Đối với báo-giới ông Nguyễn Văn Vĩnh là người sáng-lập tờ « *Trung-Bắc tân-văn* », đã làm chủ tờ « *Annam Nouveau* », và ông là một trong những người đã có công với việc sáng-tạo lối văn nghị-luận ở nước Nam trước nhất.

« Đối với nền văn-học, ông Vĩnh là người đã thấy rõ con đường phải đi, đã nhận rằng cái nền văn-học mới đúc còn thiếu-thốn của chúng ta, cần phải kiếm thêm nhiều tài-liệu ở xứ ngoài, đem về bồi-bổ kiến-thiết mới vững-vàng chắc chắn được. Nhưng không phải như mọi người, chỉ nhận thấy, chỉ than-tiếc rồi thôi. Thấy khuyết-điểm, ông Nguyễn Văn Vĩnh ra công lo bổ-túc. Mấy năm trời ông cặm-cụi dịch những bộ sách hay và hữu-ích của phương Tây để giúp cho việc mở-mang kiến-thức của anh em trong nước. Sau này, cầm được những cuốn sách : « *Những kẻ khốn-nạn* », « *Ba người ngự-lâm pháo-thủ* » v.v. chắc không một ai đành quên tên ông Nguyễn Văn Vĩnh...

« Còn về đời chính-trị ?

« Tôi không kể ông Vĩnh là người đã bênh-vực thuyết

trực-trị, cũng không kể ông là người cực lực chống lại ông Phạm Quỳnh với thuyết lập-hiến, tôi chỉ nhớ rằng trước kia, trái với một người ở Nam-kỳ đây tự xưng là đại chính-trị-gia, đã viết trên báo *Tribune Indochinoise* phản-đối việc cụ Phan Chu Trinh về nước, ông Vĩnh là một người Việt-nam đã có can-đảm cùng bốn người Pháp ký dưới một lá đơn, xin cho cụ Phan Chu Trinh khỏi chết... Dám ký tên vào lá đơn ấy trong khi mọi người — cho đến người Pháp — cũng đều cho là một sự nguy-hiểm không dám buộc vào mình, và sau khi ấy ông Vĩnh bị một vị quan lớn đòi đến cho hay rằng: « Ở Côn-nôn còn rộng chỗ!... Chú hãy liệu lấy!... » Đủ cho ta biết sự can-đảm và tiết-tháo của nhà chính-trị được anh em ở Bắc tin-cậy và nhiều phen cử lên làm đại-biểu. Nếu người chết còn gặp nhau ở một thế-giới khác, ông Vĩnh gặp cụ Phan Chu Trinh không như ai, đến nỗi thẹn.

« Ông Nguyễn Văn Vĩnh lại thường nói với những người chung quanh ông rằng: « Làm người, theo như tôi, cần có đức-dục hơn trí-dục — Sĩ khả sát bất khả nhục. Kẻ sĩ nào cũng cần lấy câu châm ngôn đó làm câu kinh nhật tụng. Người học-trò mà thiếu nhân-cách, không tiết-tháo, thì có học cũng như không, tệ hơn nữa là có hại cho nòi-giống... »

« Người đã biết nói ra câu ấy thì dù sao cũng không đến nỗi làm những việc nhuốc-nhơ, hèn-hạ như một vài nhà chính-trị ta đã biết.

« Chính tôi khen ông Vĩnh ở chỗ đó. Tôi trọng ông cũng ở chỗ đó. Và cái chết của ông làm cho tôi ngậm-ngùi tiếc-thương cũng vì chỗ đó!... ».

(Báo « *Sài-gòn* »)

III

« Phan Tây-hồ (1) quá vãng, Ngô Tập-xuyên (2)

(1) Phan Chu Trinh.

(2) Ngô Đức Kế.

trường từ, rừng nho hiu-quạnh, còn lựa được một vài gốc ở bến sông Hương, đã là một sự rất không may cho cái tiền-trình của xã-hội trong lúc bể trời sóng gió, nước non mịt-mờ ; bây giờ đây trong rừng tân-học lại mất ông Nguyễn Văn Vĩnh thì bảo sao ta không ngậm-ngùi cho được.

« Có người bảo : « Ngọc lành bị vết, tiên-sinh trong lúc thiên-hạ khóc đã nỡ cười », nhưng ta bảo đêm vắng người thưa, tiên-sinh trong lúc thiên-hạ mê, một mình tỉnh.

« Một bức thư cứu mạng cụ Tây-hồ, khí-phách ấy ta làm gì tìm thấy được trong làng tân niên-thiếu ; đập hũ rượu, ra công trong nghị-viên, tâm-trường ấy ta còn thấy phơi-bày giữa báo-chương, nào tiên-sinh có phụ gì đời đâu ?

« Huống chi, đương đầu cùng thiên-hạ mà không một chút khuất-nhục đến cho thân, đứng trước mặt lợi-danh mà vẫn giữ được cái bản-sắc người quân-tử. Thà tìm vàng ở chốn rừng xanh, không thà bới tiền ở những cái ân-huệ, tiên-sinh vẫn là người đáng quý mà !

« Nếu trong trường chính-trị cần người ở chỗ thập toàn, thì tiên-sinh vẫn có cái đáng than, chớ nếu cần người ở chỗ có lương-tâm thì tiên-sinh thật là người đáng quý.

« Huống chi về văn-học-giới nước nhà, tiên-sinh lại là một tay cự-phách ; về báo-giới nước nhà, tiên-sinh lại là bậc tiền-khu.

« Đem tư-tưởng văn-học phương tây rưới vào đầu-óc người Việt-nam, cái bão-phụ và cái công-trình của tiên-sinh có kém gì các bậc tân-học nước ngoài đâu.

« Bây giờ đây, núi mờ mờ, cây mịt mịt, mây thẳm thẳm, gió hiu hiu, tiên-sinh lại theo thời-gian mà qua, thật là một sự rất không may cho nền văn-học nước nhà và cũng là một sự rất không may cho viện dân-biểu Bắc-hà.

« Than ôi ! Thời-gian ác-nghiệt đã không cho ta những bậc tài-hoa, lại từ tay ta mà cướp người minh-triết. Trong làng tân-học ta từ đâu mà tìm được người như tiên-sinh bây giờ ! ».

(Báo « *Đuốc Nhà Nam* »)

IV

« ... Thế là từ nay trên đàn ngôn-luận vắng tiếng một nhà làm báo đàn anh rất có tài, trên văn-đàn vắng mặt một nhà văn-hào có công lớn với nền quốc-văn, trong các nghị-viện ta không còn được nghe những lời hùng-biện của một người Nam có tâm-huyết đã từng phen để tâm đến vận-mệnh nước nhà, trên trường chính-trị cũng vắng bóng một nhà chính-trị có chủ-nghĩa bình-dân, mà sau nữa chính-phủ và các nhà cầm quyền xứ này cũng mất một người cố-vấn sáng-suốt và lịch-duyệt.

« Ông tuy chết nhưng sự-nghiệp ông vẫn còn và in vào trí-nhớ những người Pháp, Nam ở xã-hội này.

« Than ôi ! nước nhà đang buổi hiếm nhân-tài, được một người như ông Vĩnh, nay lại chết mất ; từ đây biết tìm đâu cho ra ông Vĩnh thứ hai ? »

(Báo « *Trung-Bắc* »)

V

« Nói từ trong con tim nói ra, tôi có phục ông Nguyễn Văn Vĩnh thật. Tôi phục ông ở chỗ có chí tự-lập, ở chỗ không mộ hư-vinh. Tôi ưa ông nhất là tại cái điểm thứ hai này. Kể trong ba bốn mươi năm nay, cả Bắc-kỳ, ông nào có máu mặt cũng chạy cho được cái Bắc-đẩu bội-tinh, cái Hồng-lô tự-khanh, cái Hàn-lâm gì đó, cùng không nữa cũng đồng kim-tiền, chiếc kim-khánh. Chỉ một mình ông Vĩnh, muốn có thì giống gì mà chẳng có, nhưng ông đã chẳng có gì cả, ông chỉ là bạch-đinh. Tấm lòng nguội-lạnh đối với hư-vinh ấy đã đưa ông lên làm tiêu-biểu cho bạn trẻ chúng ta sau này.

« Bởi chịu ông những chỗ ấy nên sau khi được tin ông qua đời tôi đã toan viết một bài về ông trên báo. Kế thấy có nhiều báo đã viết, tôi lại thôi.

« Thôi, rồi bây giờ tôi lại viết. Là vì thấy có nhiều báo đã nói về ông thất thực, tôi muốn viết để vớt-vát dư-luận lại lấy một vài.

« Người ta tôn ông Vĩnh là đại-văn-hào rồi người ta còn đòi dựng tượng đồng cho ông nữa.

« Lạ, sao tôi thấy người Việt-nam ta cái gì cũng giữ mực trung-dung, duy có sự yêu người hay ghét người lại chạy đến cực đoan.

« Yêu ông Vĩnh, ngày nay người ta đòi dựng tượng đồng cho ông ; nhưng mười năm về trước, ghét ông Vĩnh, người ta đã lên án ông là phản quốc, là bán nước !

« Đều không đúng cả. Trước sau luận về ông, người ta đều bị cảm-tình xô-đẩy.

« Kỳ thực, ông Vĩnh không có cái tội gì đến gọi là phản quốc hay bán nước, và ông cũng không có cái công gì đến quốc-dân phải dựng tượng đồng cho ông.

« Giữa chúng ta, ông Vĩnh đáng gọi là một kẻ sĩ hào-kiệt. Sự lập thân xử thế của ông đã đảm-bảo cho ông đáng được cái tên ấy một cách vững-chãi.

« Nhưng, theo sự phẩm-bình chặt-chịa của một hạng người trong nước, hạng người ấy đại-khái là nhà nho, thì ông Vĩnh dù có là hào-kiệt chăng nữa mà không là quân-tử. Theo chỗ phân-biệt của nhà nho : quân-tử là cái huy-hiệu về tâm-đức, đáng trọng hơn hào-kiệt là cái huy-hiệu về tài-trí, như Nguyễn Du có nói : « Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài ». Hạng người ấy họ tuy có phục ông Vĩnh về đằng tài nhưng họ không chịu lượng thứ cho ông về đằng tâm.

« Cả đời ông Vĩnh, có hai việc hơi mờ-hồ, sự thực nó

thế nào chỉ một mình ông biết, đã rước về cho ông lời bình-phẩm khắt-khe ấy. Tức là giữa cái đảng-họa Đông-kinh nghĩa-thục năm 1908 mà ông được thoát và sau cuộc tự-trị bày trò năm 1918 mà ông « có câu ».

« Hai việc ấy giá ở vào xã-hội khác thì dễ thường ông Vĩnh cũng không đến mang tiếng. Về việc trước, người ta cho như gặp lúc cháy nhà, con chuột nào có thể thoát thân được thì để mặc nó thoát thân ; về việc sau, người ta cũng phân-bì được với những ông tướng đánh giặc lập công : thí đi bao nhiêu mạng sĩ-tốt để một mình được cắt đất phong hầu, hưởng sự an vinh tôn quý. Huống chi trong hai lần đó, chúng ta thấy ông Vĩnh chỉ làm được việc cho mình thì có, chứ chưa hề làm hại đến ai.

« Tuy vậy, ở xã-hội ta, nhà nho bao giờ cũng có sẵn rìu-búa trong tay, gặp lúc thì giở ra để duy-trì nhân-tâm thế-đạo : những việc như thế khó lòng cho họ bỏ qua đi được. Theo tôi, muốn xí-xóa cho ông những điều đó, nhưng tôi biết người ta không chịu xí-xóa.

« Ông A. Varenne vì muốn sang làm toàn-quyền Đông-Pháp bị đảng của ông trừ tên ra mà người Pháp chẳng lấy làm điều, chẳng ai hề chỉ-trích ông Varenne về việc ấy. Giá ở vào xã-vội Việt-nam thì ít nữa trên báo họ cũng chửi cho mươi lăm bài. Bởi vậy nhiều lúc tôi nghĩ mà lấy làm may cho ông Varenne bao nhiêu thì tôi lại thương-hại cho ông Nguyễn Văn Vĩnh và những người như ông bấy nhiêu !

« Một người còn có chỗ để cho dư-luận ngờ-vực như thế thì làm sao ta lại nói đến sự dựng tượng đồng cho người ấy được ư ? Còn chưa kể đến người ấy chẳng có công-đức gì vĩ-đại đủ trùm trên một xã-hội hay một dân-tộc.

« Ông Nguyễn Văn Vĩnh, cho đi rằng có công-đức với xã-hội Việt-nam về phương-diện văn-học ; nhưng chưa phải là cái công-đức vĩ-đại đáng cho chúng ta kỷ-niệm đời nọ qua đời kia.

« Ông đã hô-hào cho người nước học quốc-ngữ, ông đã khai sơn cho nghề làm báo và cải thiện nghề in xứ ta, ông đã dịch nhiều sách tây ra tiếng mẹ đẻ, ông đã trước hết lập cho thứ tiếng ấy một lối văn giản-dị : hết thảy những điều đó khiến chúng ta phải tôn-kính ông, tôn-kính một cách vừa phải.

« Chữ « văn - hào » tương đương với chữ « grand écrivain » trong tiếng Pháp, thường dùng để xưng nhà văn sáng-tác chứ không dùng để xưng nhà văn dịch-thuật. Văn ông Vĩnh có tiếng thật ra chỉ về văn dịch mà thôi, những cái chính tay ông viết ra, không có gì được truyền cả, thế mà gọi là « văn-hào » cũng khí quá, huống chi còn đeo thêm chữ « đại » nữa !

« Ngoài mấy bản kịch của Molière, ngụ ngôn của La Fontaine, tiểu-thuyết của Dumas fils, của Victor Hugo mà ông Vĩnh đã dịch ra, ông không có một cuốn sách nào chính tay ông viết ra cả, như thế mà gọi ông là « văn-hào » hơn nữa là « đại văn-hào », chắc ông không chịu, vì ông sinh tiền là người biết điều lắm, không hay giỡn như kẻ khác.

« Trong con mắt tôi, ông Nguyễn Văn Vĩnh là một trang hào-kiệt. Mạnh-tử có nói : « Đến như kẻ sĩ hào-kiệt thì dù không có Văn-vương cũng dấy lên ». Trong câu nói ấy thấy người hào-kiệt đầy cái khí-phách tự lập đúng như cái khí-phách của ông Nguyễn Văn Vĩnh chúng ta.

PHAN KHÔI
(« Ông Nguyễn Văn Vĩnh trong con mắt tôi » Tuần báo « Sông Hương » số 1, ngày 1-8-36)

PHỤ LỤC

Văn-tài của hai người con ông Nguyễn Văn Vĩnh

NGUYỄN NHƯỢC PHÁP — NGUYỄN GIANG

Thân-thế và công-nghiệp của Nguyễn Văn Vĩnh lịch-sử văn-học đã không thể bỏ qua mà không ghi-chép, thì đối với hai người con của ông Vĩnh, sau này, trong văn-học-sử, tưởng không hẹp gì mà chẳng nêu tên.

Các người con của ông Nguyễn Văn Vĩnh, ngoại trừ bác-sĩ Nguyễn Hải ít chú tâm đến văn-nghệ, hai người khác, Nguyễn Nhược Pháp và Nguyễn Giang thảy đều có tiếng-tăm trong thi-giới.

Nguyễn Nhược Pháp chẳng may mất sớm trong tuần tuổi 25 (1914 — 1938), mất sau Nguyễn Văn Vĩnh hai năm, thật là đáng tiếc.

Tuy-nhiên, mệnh ấy yểu mà danh ấy thọ. Hầu hết các bài thơ của Nguyễn Nhược Pháp đều được những người yêu văn-nghệ tán-thưởng, khen chẳng tiếc lời.

Ở đây, chúng tôi không làm cái việc phê-bình thơ Nguyễn Nhược Pháp. Chúng tôi chỉ xin bạn đọc cho phép chúng tôi nhắc lại sau đây những lời của một học-giả trứ-danh, ông H. T:

« . . . Thơ in ra rất ít mà được người ta mến rất nhiều, tưởng không ai bằng Nguyễn Nhược Pháp.

Không mến sao được? Với đôi ba nét đơn-sơ, Nguyễn Nhược Pháp đã làm sống lại cả một thời xưa. Không phải cái thời xưa nặng-nề của nhà sử-học, cũng không phải cái thời xưa tráng-lệ hay mơ-màng của Huy Thông, mà là một thời xưa gồm những màu-sắc tươi-vui, những hình-dáng ngộ-nghĩnh. Thời xưa ở đây đã mất hết cái vẻ rầu-rĩ cố hữu và đã biết cười, cái cười của những « *thắt lưng dài đỏ hoe* », những đôi « *giép cong* » nho-nhỏ. Những cảnh ấy vốn có thực. Nhưng dầu sự thực không có thì nhà thơ sẽ tạo ra, khó gì. Mặc cho những nhà khảo cổ cặm-cụi tìm nguyên-do

câu chuyện hai vị thần giành nhau một nàng công-chúa, thi-nhân cứ cho là có thực và người thấy khi Thủy Tinh đã bắt quyết gọi mưa để khoe tài, thì Sơn Tinh chẳng chịu thua, liền :

Vung tay niệm chú. Núi từng giải,
Nhà lớn, đồi con lồm-cồm bò
Chạy mưa.

Sáng hôm sau, Thủy Tinh cưỡi rồng vàng đến xin cưới

Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đội năm-mươi hòm ngọc trai.
Khập-khiễng bò lê trên đất lạ ;
Trước thành tấp-tểnh đi hàng hai.

Nhưng chậm mất rồi. Sơn Tinh đã đến trước. Tức quá. Thủy Tinh liền ra lệnh cho bọn đồ-đệ dương oai :

Cá voi quác mồm to muốn đớp ;
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng ;
Càng cua lởm-chởm giơ như mác ;
Tôm kềnh chạy quắp đuôi xôn xao.

Ai xem những cảnh ấy mà không buồn cười. Thi-nhân cũng chỉ muốn thế : kiếm chuyện cười chơi.

Cũng có khi người cười những nhân-vật chính người đã tạo ra, như cái cô bé đi chùa Hương trong thiên ký-sự chép những câu thật-thà :

Em đi, chàng theo sau,
Em không dám đi mau.
Ngại chàng chê hấp-tấp,
Số gian-nan không giàu.

Có khi chẳng cần biết người muốn cười ai. Sau khi tả cái đẹp của My-nương, người thêm một câu :

Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ.

Người vờ ngơ-ngẩn để kiếm cớ diễu mình chơi, hay người muốn diễu những kẻ đứng trước gái đẹp bỗng thấy hồn thơ lênh-láng ?

Lại có khi không diễu mình, diễu người, thi-nhân cũng cười : cười vì một cảnh-ngộ. Như khi Sơn Tinh và Thủy Tinh cùng đến hỏi My-nương, Hùng-vương sung-sướng nhìn con :

Nhưng có một nàng mà hai rể,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều.

Đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp, lúc nào hình như cũng thoáng

thấy bóng một người đương khúc-khích cười. Nhưng cái cười của Nguyễn Nhược Pháp khác xa những lối bông-lơn khó chịu của các ông Tú, từ Tú Suất, Tú Xương đến Tú Mỡ. Nó hiền-lành và thanh. tao. Nội chừng ấy có lẽ cũng đủ cho nó có một địa-vị trên thi-đàn. Nhưng còn có điều này nữa mới thật quý : với Nguyễn Nhược Pháp nụ cười trên miệng bao giờ cũng kèm theo một ít cảm-động trong lòng. Những cảnh, những người đã khiến thi-nhân cười cũng là những cảnh, những người thi-nhân mến. Người mến cô bé đi chùa Hương và cùng cô bé san-xẻ mọi nỗi ước-mơ, sung-sướng, buồn-rầu. Người mến nàng My-nương. Lúc My-nương từ-biệt cha đi theo chồng, người thấy :

Lầu son nàng ngoái trông lần lữa,
Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương

rồi :

Nhìn quanh khói toả buồn man-mác,
Nàng kêu : « Phụ-vương ôi ! Phong-châu ! »

Một điều là những câu tình-tứ như thế ghép vào bên cạnh những câu đến buồn cười mà không chút bỡ-ngỡ. Cái duyên của Nguyễn Nhược Pháp là ở đó.

Chắc Nguyễn Nhược Pháp không chịu ảnh-hưởng Anatole France, nhưng xem « *Ngày xưa* » tôi cứ nhớ đến cái duyên của tác-giả « *Le Livre de mon ami* ». Phải chăng Nguyễn Nhược Pháp cũng hay diễu đời và thương người như A. France. Không, nói diễu đời e không đúng. Nguyễn Nhược Pháp còn hiền-lành hơn. Nguyễn Nhược Pháp chỉ muốn tìm những cảnh, những tình có thể mua vui. Dầu sao, tôi thấy Nguyễn Nhược Pháp già lắm, khác hẳn người bạn chí thân của người là Huy Thông. Người nhìn đời như một ông già nhìn đàn trẻ-con rất ngộ-nghĩnh mà cũng rất dễ yêu, mặc dầu người vẫn còn trẻ lắm. Người mất năm hai-mươi-bốn tuổi, lòng trong-trắng như hồi còn thơ. »

Còn Nguyễn Giang, tài dịch thơ Pháp tưởng cũng ít người sánh kịp. Chủ-trương « *Đông-dương tạp-chí* » bộ mới, Nguyễn Giang cũng đã từng tỏ ra có lòng yêu-mến văn-nghệ, có tình với nước non nhà.

Cho nên, đã ghi-chép lại thân-thế và công-nghiệp của Nguyễn Văn Vĩnh, không thể không liên-tưởng đến hai thi-sĩ hữu danh : Nguyễn Nhược Pháp và Nguyễn Giang, hai giọt máu, hai người con tài-hoa của Nguyễn Văn Vĩnh. Chúng tôi có lời nhắc đến, gọi là lỗ chút lòng tưởng-niệm Nguyễn Văn Vĩnh, và dưới đây xin sao-lục một ít thơ của hai thi-sĩ tài-hoa ấy để tỏ chút tình hoài.

THƠ NGUYỄN NHƯỢC PHÁP

1.— *TAY NGÀ*

Đêm nay chờ trăng mọc,
Ngồi thẩn-thơ trong vườn.
Quanh hoa lá róc-rách
Như đua bắt làn hương.
... Ta ngồi bên tảng đá,
Mơ lều chiếu ngày xưa.
Mơ quan Nghè, quan Thám
Đi có cờ lọng đưa.
Rồi bao nàng yểu-điệu
Ngấp-nghé bay trên lầu :
Vừa leng-keng tiếng ngựa,
Lẹ gót tiên gieo cầu,
Tay vơ cầu ngũ sắc,
Má quan Nghè hây hây.
Quân hầu reo chuyển đất,
Tung cán lọng vừa quay.
Trên lầu, mấy thị-nữ,
Cùng nhau rúc-rích cười.
« Thưa cô đừng thẹn nữa,
Quan Nghè trông lên rồi ».
Cúi đầu nàng tha-thướt,
Yêu-kiều như mây qua
Mắt xanh nhìn man-mác,
Mỉm cười về cành hoa.

Ta còn đang luyến mộng
Yêu bóng người vẩn-vơ ;
Tay ngà ai phủ trán ?
— Hiu-hắt ánh trăng mờ...

2. — *MỘT BUỔI CHIỀU XUÂN*
(Thiên ký-sự của một thư-sinh đời trước)

Hôm đó buổi chiều xuân
Trông mây hồng bay vân ;
Liền gập pho kinh-sử
Lững-thững khỏi lầu văn.
Đường leo, nhà lom-khom,
Mái xanh, tường rêu mòn.
Ta nhìn ngâm-nga đọc.
Câu đối cửa màu son.
Phu khiêng kiệu ngẩn-ngơ,
Thầy lại và thầy thơ
Ngồi xồm cười bên lọng,
Trước cửa toà dinh cơ.
Cương da buộc thân cây,
Vài con ngựa lắc dây
Nghểng đầu lên gậm lá,
Đập chân nghiêng mình xoay.
Đi vui rồi vẩn-vơ,
Hay đâu thức còn mơ !
Lạc vào trong vườn rộng,
Mồm vẫn còn ngâm thơ !
Ô ! vườn bao nhiêu hồng !
Hương nghi-ngút đầu bông !
Lầu xa lộ mái đỏ,
Nóc có hai con rồng.
Thoảng tiếng vàng thanh-tao,
Bên giàn lý, bờ ao
Một nàng xinh như liễu
Ngồi ngắm bông hoa đào.

Tay cầm bút đề thơ,
Tì má hồn vẩn-vơ
Nàng ngâm lời thánh-thót,
Ai không người ngẩn-ngơ!
Ta lặng nghe hồi lâu,
— Nhưng thì giờ đi mau
Đứng ngay gần non bộ,
Có ông lão ngồi câu.
Nàng chợt nghiêng thân ngả,
Thoảng bóng người xa xa
Reo kinh-hoàng, e-lệ,
Đưa rơi cành bút hoa.
Ta mơ chưa lại hồn,
Nàng lẹ gót lầu son.
— Vừa toan nhìn nét phượng,
Giấy thẹn bay thu tròn.

3. — TRẨY CHÙA HƯƠNG
(Thiên ký-sự của một cô bé ngày xưa)

Hôm nay đi chùa Hương,
Hoa cỏ mờ hơi sương
Cùng thầy me em dậy
Em vấn đầu soi gương.
Khăn nhỏ, đuôi gà cao,
Em đeo giải yếm đào
Quần lĩnh, áo the mới,
Tay cầm nón quai thao.
Me cười: Thầy nó trông!
Chân đi đôi giép cong
Con tôi xinh xinh quá!
Bao giờ cô lấy chồng?
— Em tuy mới mười lăm,
Mà đã lắm người thăm
Nhờ mối-mai đưa tiếng,
Khen tươi như trăng rằm.

Nhưng em chưa lấy ai,
Vì thầy bảo người mai
Rằng : em còn bé lắm,
Ý đợi người tài trai.
Em cùng đi với me,
Me em ngồi cáng tre
Thày theo sau cưỡi ngựa,
Thắt lưng dài đỏ hoe.
Thầy me ra đi đò,
Thuyền mấp-mênh bên bờ,
Em nhìn sông nước chảy,
Đưa cánh buồm lô-nhô.
Mơ xa lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri-âm?
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn-nhân.
Người đâu thanh lạ nhường!
Tướng-mạo trông phi-thường.
Lưng cao dài, trán rộng,
Hỏi ai nhìn, không thương?
Chàng ngồi bên me em,
Me hỏi chuyện làm quen.
« Thưa thầy đi chùa ạ? »
Thuyền đông, trời ơi chen!
Chàng thưa: Vâng, thuyền đông,
Rồi ngắm trời mênh-mông.
Xa xa mờ núi biếc,
Phơn-phớt áng mây hồng.
Dòng sông nước đục lờ,
Ngâm-nga chàng đọc thơ.
Thầy khen hay hay quá!
Em nghe rồi ngẩn-ngơ.
Thuyền đi, bến Đục qua,
Mỗi lúc gặp người ra,

Thẹn-thùng em không nói:
« Nam-vô A-di-đà! ».
Réo-rắt suối đưa quanh,
Ven bờ; ngọn núi xanh.
Dịp cầu xa nho-nhỏ,
Cảnh đẹp gần như tranh.
Sau núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khỉ ngồi
Tới núi con voi phục,
Có đủ cả đầu đuôi.
Chùa lấp sau rừng cây,
(Thuyền ta đi một ngày).
Lên cửa chùa em thấy,
Hơn một trăm ăn-mày.
Em đi, chàng theo sau,
Em không dám đi mau.
Ngại chàng chê hấp-tấp,
Số gian-nan không giàu.
Thầy me đến điện thờ,
Trầm-hương khói tỏa mờ.
Hương như là sao lạc,
Lớp sóng người lô-nhô.
Chen vào thật lắm công,
Thầy me em lễ xong
Quay về nhà ngang bảo,
« Mai mới vào chùa trong »
Chàng hai má đỏ hồng,
Kêu với thằng tiểu-đồng.
Mang túi thơ bầu rượu:
« Mai ta vào chùa trong ».
Đêm hôm ấy em mừng!
Mùi trầm-hương bay lừng.
Em nằm nghe tiếng mõ,
Rồi chim kêu trong rừng.

PHỤ LỤC

Em mơ, em yêu đời,
Mơ nhiều... Viết thế thôi.
Kẻo ai mà xem thấy,
Nhìn em đến nực cười.

Em chưa tỉnh giấc nồng,
Mây núi đã pha hồng
Thầy me em sắp sửa,
Vàng hương, vào chùa trong.

Đường mây đá cheo-leo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo
Vì thương me quá mệt,
Săn-sóc chàng đi theo.

Me bảo : « Đường còn lâu,
« Cứ vừa đi ta cầu.
« Quan-thế-âm bồ-tát,
« Là tha hồ đi mau ».

Em ư ? Em không cầu,
Đường vẫn thấy đi mau.
Chàng cũng cho như thế,
(Ra ta hợp tâm đầu).

Khi qua chùa Giải-oan,
Trông thấy bức tường ngang
Chàng đưa tay, lẹ bút,
Thảo bài thơ liên hoàn.

Tấm-tắc thầy khen hay,
Chữ đẹp như rồng bay.
(Bài thơ này em nhớ,
Nên chả chép vào đây).

Ô ! Chùa trong đây rồi,
Động thẳm bóng xanh ngời.
Gấm thêu trần thạch-nhũ,
Ngọc nhuốm hương-trầm rơi.

Me vui-mừng hả-hê :
« Tặc ! con đường dài ghê ! ».

Thầy kêu, mau lên nhé,
Chiều hôm nay ta về.
Em nghe bỗng rụng rời !
Nhìn ai luống nghẹn lời !
Giờ vui, đời có vậy,
Thoảng ngày vui qua rồi !
Làn gió thổi hây hây,
Em nghe tà áo bay
Em tìm hơi chàng thở,
Chàng ôi, chàng có hay ?
Đường đây kia lên trời,
Ta bước tựa vai cười,
Yêu nhau, yêu mãi mãi !
Đi, ta đi, chàng ôi !
Ngun-ngút khói hương vàng,
Say trong giấc mơ-màng ;
Em cầu xin trời phật,
Sao cho em lấy chàng.

(Thiên ký-sự đến đây là hết. Tác-giả tin rằng hai người sẽ lấy nhau. Vì không lấy được nhau thì cô bé còn viết nhiều. Lấy nhau là hết chuyện.)

NGUYỄN NHƯỢC PHÁP

THƠ DỊCH CỦA NGUYỄN GIANG

1. — LA CHAIR EST TRISTE

La chair est triste, hélas ! et j'ai lu tous les livres.
Fuir ! là bas, fuir ! Je sens que des oiseaux sont ivres
D'être parmi l'écume inconnue et les Cieux.
Rien, ni le vieux jardin reflété par les yeux,
Ne retiendra ce coeur qui dans la mer se trempe.
Ô nuit, ni la clarté déserte de ma lampe
Sur le vide papier que la blancheur défend ;
Et ni la jeune femme allaitant son enfant,
Je partirai. Steames, balançant ta mâture,
Lève l'ancre pour une exotique nature.
Un ennui désolé par de cruels espoirs
Croit encore à l'adieu suprême des mouchoirs.
Et peut-être les mâts invitant les orages
Sont-ils de ceux qu'un vent penche sur les naufrages ;
Perdus sans mâts, sans mâts, ni fertiles ilots...
Mais, ô mon coeur, entends le chant des matelots.

STÉPHANE MALLARMÉ

Dịch :

THÚ XÁC-THỊT

Thú xác-thịt, thương ôi ! chán-nản,
Kho văn-chương đọc cạn hết rồi.
Đi đi thôi ! đi đi thôi !
Đi cho xa hẳn cuộc đời buồn tênh !

Theo chim nọ bồng-bềnh ngọn sóng,
Khi say-sưa bay bổng tuyệt vời.
Mát, trong thay, khoảng nước trời!
Nhớ chi ong giỡn hoa cười vườn xưa.
Quên cả thú văn thơ buồng cũ,
Cảnh đêm khuya đen ủ-rũ buồn.
Văn thơ kia dẫu có hồn,
Mà tờ giấy trắng như còn quý hơn.
Quên hết cả nguồn cơn ân-ái,
Cảnh con thơ, vợ dại, nâng-niu,
Mặc ai suy lắm nghĩ nhiều,
Dựng buồm rẽ sóng ta liều thân ta!
Tìm đến chốn non xa cảnh lạ,
Cuộc vui đời thỏa dạ ước mong,
Mong thay!... mà lạ cho lòng,
Dường như thương tấm khăn hồng vẫy theo.
Thương mà ngại những chiều giông-tố,
Cánh buồm kia phỏng có đến đâu?
Hay là biển thẳm nước sâu,
Bốn bề mưa gió một màu thế thôi.
Ngao-ngán nỗi cảnh đời người thế!
Bỗng xa nghe lính thủy một đoàn,
Cùng nhau ca khúc hân-hoan,
Khiến lòng ta lại bàn-hoàn muốn đi.

. • .

Thơ của Nguyễn Nhược Pháp có một vẻ riêng, thì những bài thơ của Nguyễn Giang chọn dịch, tóm lại, thảy đều đượm màu kỳ-lạ, dường có ý vạch riêng một lối thơ, tình-tứ phóng-túng, ý-khí hiên-ngang.

Có điều, kể về mặt xây-dựng, thơ của Nguyễn Nhược Pháp và Nguyễn Giang hoàn toàn thiếu tính-chất lành-

mạnh để phục-vụ và hướng-dẫn nhân-sinh trong lãnh-vực Chân, Thiện, Mỹ.

Dù hướng về đường-lối nào và dù tính-chất thơ có bay-bướm, ẻo-lả, kể riêng về mặt văn-tài, dù sao thì Nguyễn Giang và Nguyễn Nhược Pháp vẫn đáng được đề cao.

NHẤT TÂM

= HẾT =

MỤC LỤC

PHẦN PHỤ LỤC

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

sáng-lập năm 1937

với sự hợp-tác của các học-giả và nhà-văn danh-tiếng Trung, Nam, Bắc: **Bùi Kỷ — Trần Trọng Kim — Phan Văn Hùm — Trần Thanh Mại — Thi Nham — Đào Trinh Nhất — Lê Ngọc Trụ — Trúc Khê — Hà Như Chi — Phạm Trọng Nhân — Tôn Thất Lương — Nhượng Tống — Phạm Văn Diêu — Bửu Kế — Bùi Giáng — Phạm Hoàn Mĩ — Nguyễn Hóa — Bình Nguyên Lộc v. v...**

đã xuất-bản trên 350 thứ sách chia ra làm nhiều loại

Hiện còn những thứ mới

I. — SÁCH GIÁO-KHOA — BẬC TRUNG-HỌC

A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

1. — *Việt-nam sử lược* của cụ Trần trọng Kim (in lần thứ sáu) sửa-chữa và thêm rất nhiều phụ bản quí giá.
(Nam Việt 185đ. — ngoài Nam Việt 200 đ.)

2. — *Việt-nam văn-phạm* của ba ông :
Phạm duy Khiêm — Bùi Kỷ và Trần trọng Kim.
(Giá N. V. 55đ. — Các nơi 58đ.)

3. — *Quốc-văn cụ-thể* của Ưu Thiên Bùi Kỷ
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)

4. — *Việt Thi* của Trần trọng Kim
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)

5. — *Đường Thi* của Trần trọng Kim
(Đang in lần thứ hai)

6. — *Việt-nam Thi-văn giảng-luận*
của Hà như Chi — giáo-sư trường Quốc-học — Huế.

TẬP I

Từ khởi-thỉ đến cuối thế-kỷ 18. Gồm có những luận-đề về : Truyện cổ-tích — Ca dao và Tục-ngữ — Truyện Trinh Thử — Truyện Trê Cóc — Nguyễn Trải — Vua Lê Thánh-tông — Nguyễn bỉnh Khiêm — Nguyễn Hãng — Lê quí

Đôn — Đoàn thị Điểm — Ôn như Hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân — Phạm Thái

(Dùng trong các lớp Đệ-ngũ và Đệ-tam bậc Trung-học)

(In lần thứ ba—Giá N. V. 85 đ. Các nơi 90 đ.)

TẬP II

Thế-kỷ thứ 19. Gồm có những luận-đề về : Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh-quan — Nguyễn công Trứ — Cao bá Quát — Cao bá Nhạ — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiểu — Tôn thọ Tường — Chu mạnh Trinh — Nguyễn Khuyến và Trần tế Xương.

(Dùng trong các lớp Đệ-tứ và Đệ-nhị bậc Trung-học)

(In lần thứ ba N. V. 130 đ. Các nơi 140 đ.)

7. — *Việt-nam văn-học giảng-bình* của Phạm văn Diêu — giáo-sư trường Quốc-học—Huế. Một khoa bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-sinh Đệ-tứ và Đệ-nhị bậc Trung-học,

(Giá 50 đ. — Ngoài Nam Việt 55 đ.)

8. — *Hóa-học* (lớp Đệ-tứ Trung-học) của Phạm văn Hường và Phạm văn Thoại (giáo-sư trường Quốc-học — Huế),

(Giá N. V. 50 đ. — Các nơi 53 đ.)

9. — *Lịch-sử Việt-nam (lớp Đệ-thất)* của Phạm hoàn Mĩ và một nhóm bạn giáo-sư biên-soạn.

(Giá N. V. 35 đ. — Các nơi 37 đ.)

Sắp có bán :

1. — *Lịch-sử Việt-nam* (Lớp Đệ-lục)
2. — *Văn-học Việt-nam* của Phạm văn Diệu
3. — *Thi-văn hiện-đại* của Hà như Chi
4. — *Địa-lý Việt-nam* của ba giáo-sư Vương gia Bình — An Khê — Trần hiếu Thuận

B. — LOẠI CỔ VĂN CHÚ-THÍCH

1. — *Truyện Thúy Kiều* của Nguyễn Du do Bùi Kỷ và Trần trọng Kim hiệu-khảo

(Giá N. V. 55 đ. — Các nơi 58 đ.)

2. — *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn huy Tự do cụ Tôn thất Lương chú-thích

(Đang in lần thứ hai)

3. — *Chinh-phụ ngâm khúc* của Đoàn thị Điểm do cụ Tôn thất Lương chú-thích

(Giá N. V. 42 đ. — Các nơi 44 đ.)

4. — *Cung-oán ngâm khúc* do cụ Tôn thất Lương chú-thích (lần thứ tư)
(Giá Nam Việt 16 đ. — Các nơi 17 đ.)

5. — *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu — sửa đúng theo bản P. J B. Trương vĩnh Ký phát-hành năm 1889 có thêm phần chú-thích
(Giá N. V. 42 đ. — Các nơi 45 đ.)

6. — *Truyện Trê Cóc* do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính
(Giá N. V. 12 đ. — Các nơi 13 đ.)

7. — *Truyện Trinh Thử*
(Giá N. V. 12 đ. — Các nơi 13 đ.)

8. — *Lục-súc tranh công* do cụ Bùi Kỷ hiệu-dính
(Giá N. V. 8 đ. — Các nơi 9 đ.)

9. — *Truyện Phan Trần* do Thi Nham chú-thích
(Giá N. V. 16 đ. — Các nơi 17 đ.)

10. — *Nguyễn Cư Trinh* với quyền *Sãi Vãi* do hai ông Lê ngọc Trụ và Phan văn Luật chú-thích và dẫn-giải
(Đang in lần thứ hai)

11. — *Hoa điểu tranh năng* do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính
(Giá N. V. 7 đ. — Các nơi 8 đ.)

12. — *Hạnh Thục Ca* của Nguyễn nhược Thị do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích
(Giá 12 đ. — Ngoài Nam Việt 13 đ.)

13. — *Ngư Tiều vấn-đáp Y-thuật* của cụ ĐỒ CHIỂU (tác-giả Lục Vân Tiên) do Phan Văn Hùm hiệu-đính và chú-thích. — Nhượng Tống tăng bình bổ chú.
(Đang in lần thứ hai)

14. — *Nhị Độ Mai* do Thi Nham đính-chính và chú-thích.
(Giá N. V. 42 đ. — Các nơi 45 đ.)

15. — *Bích-câu kỳ ngộ* do Thi Nham đính-chính và chú-thích
(Giá N. V. 16 đ. — Các nơi 17 đ.)

16. — *Nữ Tú Tài* và *Bần-nữ thán* do Thi Nham chú-thích
(Giá 16 đ. — Ngoài Nam Việt 17 đ.)

17. — *Gia-huấn ca* do Thi Nham chú-thích
(Giá 12 đ. — Ngoài Nam Việt 14 đ.)

18. — *Nhị-thập tứ hiếu* do Cao huy Giu chứ-thích
(Giá 12 đ. — Ngoài Nam Việt 14 đ.)

19. — *Quan-âm Thị Kính* do Thi Nham chú-thích
(Giá N. V. 12 đ. — Các nơi 13 đ.)

Sắp phát-hành

1. — *Chiêu hồn* hay là *Văn-tế thập loại chúng sinh* của NGUYỄN DU do Bình nguyên Lộc và Nguyễn ngu Í chú-thích

2. — *Tự tình khúc* của Cao bá Nhạ

C. — LOẠI SÁCH TÌM HIỂU

1. — *Một vài nhận-xét về*
LỤC VÂN TIÊN — CHINH-PHỤ NGÂM — QUAN-ÂM THỊ KÍNH.
(Giá N. V. 20 đ. — Các nơi 21 đ.)

2. — *Một vài nhận-xét về*
TRUYỆN THÚY KIỀU và *PHAN TRẦN*
(Giá N. V. 20 đ. — Các nơi 21 đ.)

3. — *Một vài nhận-xét về*
BÀ HUYỆN THANH-QUAN
(Giá N. V. 20 đ. — Các nơi 21 đ.)

4. — *Tìm hiểu TRIẾT-HỌC LUÂN-LÝ*
(Giá N. V. 23 đ. — Các nơi 25 đ.)

II. — TỦ SÁCH « NHỮNG MẢNH GƯƠNG »

1. — *Nguyễn Thái Học* do Nhượng Tống biên-soạn
(Giá N. V. 40 đ. — Các nơi 42 đ.)

2. — *Phan Chu Trinh* do Thế Nguyên biên-soạn
(Giá N. V. 42 đ. — Các nơi 44 đ.)

3. — *Phan Văn Trị* — Phụ : *Học Lạc — Nhiêu Tâm* do Nhất Tâm biên-soạn
(Giá N. V. 20 đ. — Các nơi 21 đ.)

4. — *Huỳnh mẫn Đạt* — Phụ : *Thủ khoa Nghĩa* và *Thủ khoa Huân* do Nhất Tâm biên-soạn
(Giá N. V. 18 đ. — Các nơi 19 đ.)

5. — *Phan Bội Châu* do Thế Nguyên biên-soạn
(Giá N. V. 52 đ. — Các nơi 55 đ.)

6. — *Nguyễn Đình Chiểu* do Nguyễn bá Thế biên-soạn
(Giá N. V. 48 đ. — Các nơi 55 đ.)

7. — *Phan Đình Phùng* do Đào Trinh Nhất biên-soạn
(Giá N. V. 67 đ. — Các nơi 70 đ.)

8. — *Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi-nghĩa Thái-nguyên* do Đào Trinh Nhất biên-soạn
(Giá N. V. 25 đ. — Các nơi 27 đ.)

9. — *Trông giòng sông Vị* (Trần Tế Xương) của Trần thanh Mại
(Giá N. V. 25 đ. — Các nơi 27 đ.)

10. — *Hàn Mạc Tử* của Trần thanh Mại
(Giá N. V. 50 đ. — Các nơi 55 đ.)

11. — *Tôn Thọ Tường*
(Giá N. V. 28 đ. — Các nơi 30 đ.)

12. — *Phan Thanh Giản*
(Giá N. V. 25 đ. — Các nơi 27 đ.)

13. — *Võ Trường Toản*
(Giá N. V. 20 đ. — Các nơi 22 đ.)

III. — SÁCH GIÁO-KHOA bậc TIỂU-HỌC

1. — *Quan-sát* (lớp ba) do Ty giáo-huấn tỉnh Gia-định biên-soạn theo phương-pháp thính-thị
(Giá toàn quốc 35 đ.)

2. — *Sơ-học luân-lý* của Trần trọng Kim
(Giá N, V. 23 đ. — Các nơi 26 đ.)

3. — *Tiểu-học Việt-nam văn-phạm* của Trần Tọng Kim — Bùi Kỷ, Nguyễn quang Oánh
(Giá N. V. 22 đ. — Các nơi 24 đ.)

4. — *Việt-sử*

Lớp Ba
Lớp Nhì
Lớp Nhất
(đang in lại sau khi sửa-chữa kỹ-càng)

IV. — SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ

Mới có bán

1. — **Thằng người gỗ** tức là quyển « Les aventures de Pinochio ». Bản dịch của Bửu Kế.
Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ-huynh học-sinh Việt-nam.
Họa-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát: 36 hình màu 17 hình đen. Bìa in offset 5 màu.
(Giá Nam Việt 36 đ. — Các nơi 39 đ.)

NGUYỄN VĂN VĨNH
của Nhất Tâm do nhà
TÂN VIỆT xuất-bản
và giữ bản quyền—kỳ thứ
nhất in xong ngày 1-11-
1957 tại nhà in riêng
của nhà xuất-bản

Nhà xuất-bản TÂN VIỆT
235, PHAN THANH GIẢN — SAIGON

Giấy phép xuất-bản
Số 1851/T.X.B.
25-10-57
của nha T. T. Nam-phần

NGUYỄN VĂN VĨNH

Giá { Nam Việt...... 20$0
Giá { Các nơi......... 22$0